

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI:
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN.**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đặng Thanh Nga
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Anh Thư
MSSV : 2254010041
Khóa học : 2022 – 2026
Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 5 năm 2026.

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện.

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Anh Thư.

- Chuyên ngành: Kế toán.

- Trình độ đào tạo: Đại học.

- Khóa học: 2022 – 2026.

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp.

4. Các bảng biểu.

5. Cán bộ hướng dẫn: ThS. Đặng Thanh Nga.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Đặng Thanh Nga

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	1
1.1.1. Khái quát chung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	1
1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.2. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.....	3
1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	13
1.2.3. Kế toán thu nhập khác.	15
1.3. Kế toán chi phí.	16
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	20
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	23
1.3.4. Kế toán chi phí khác.	25
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	29
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN. .	31
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Snap Kitchen.	31
2.1.1. Khái quát chung về công ty.....	31
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.	35
2.1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.	36
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán.	37
2.1.5. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng.....	39

2.1.6. Đặc điểm quản lý và quy trình kinh doanh ảnh hưởng đến kế toán bán hàng.....	40
2.1.7. Đặc điểm khách hàng.	41
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	42
2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Snap Kitchen.....	42
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.....	64
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	91
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN.....	97
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	97
3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Snap Kitchen.	97
3.1.2. Nhận xét về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen... ..	97
3.1.3. Nhận xét về kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	98
3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	101
3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	101
3.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.....	102
3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.	103
KẾT LUẬN	

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Sơ đồ 1.24. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH Snap Kitchen từ 2019 đến nay.....	33
Hình 2.1. Website chính thức của Snap Kitchen.....	34
Hình 2.2. Snap Kitchen trên sàn thương mại Shopee.	34
Hình 2.3. Hóa đơn GTGT số 00000139 ngày 1/11/2025.....	46
Hình 2.4. Giao diện ban đầu của phần mềm kế toán 3TSoft.	47
Hình 2.5. Giao diện hạch toán Hóa đơn bán hàng số 00000139.....	47
Hình 2.6. Giao diện hạch toán phiếu thu tiền mặt theo Hóa đơn số 00000139.	48
Hình 2.7. Phiếu thu tiền mặt theo Hóa đơn 00000139 ngày 1/11/2025.....	48
Hình 2.8. Hóa đơn GTGT số 15 ngày 20/01/2025.....	50
Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 98.....	51
Hình 2.10. Phiếu thu số 1.....	52
Hình 2.11. Hóa đơn GTGT số 00000536 điều chỉnh cho Hóa đơn 00000224.	53
Hình 2.12. Hóa đơn GTGT đã bị điều chỉnh số 00000224.	54
Hình 2.13. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	55
Hình 2.14. Trích Sổ cái TK 511 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	56
Hình 2.15. Trích Sổ cái TK 5111 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	57
Hình 2.16. Màn hình nhập liệu doanh thu từ hoạt động tài chính.	59
Hình 2.17. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	60
Hình 2.18. Trích Sổ cái TK 515 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	60
Hình 2.19. Sổ chi tiết TK 5154 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	61
Hình 2.20. Màn hình hạch toán thu nhập khác.	63
Hình 2.21. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	63
Hình 2.22. Trích Sổ cái TK 711 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	64
Hình 2.23. Giao diện khai báo tham số hệ thống trên phần mềm 3TSOFT.....	65

Hình 2.24. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm.	65
Hình 2.25. Phiếu xuất kho số 810 cho Hóa đơn 00000139 ngày 1/11/2025.....	66
Hình 2.26. Bảng Tổng hợp nhập – xuất – tồn từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	67
Hình 2.27. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	68
Hình 2.28. Trích Sổ cái TK 632 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	69
Hình 2.29. Trích Sổ chi tiết TK 6321 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	70
Hình 2.30. Hóa đơn GTGT số 5155962.....	72
Hình 2.31. Phiếu chi theo Hóa đơn GTGT số 5155962.....	73
Hình 2.32. Phiếu kế toán lương nhân viên tháng 12/2025.....	75
Hình 2.33. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào chi phí quản lý doanh nghiệp.	75
Hình 2.34. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào chi phí bán hàng.....	76
Hình 2.35. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào lương.....	76
Hình 2.36. Hóa đơn GTGT đầu vào số 1043010 ngày 29/12/2025.	79
Hình 2.37. Màn hình nhập liệu phiếu chi số 902.	79
Hình 2.38. Phiếu chi số 902.	80
Hình 2.39. Trích Sổ nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	81
Hình 2.40. Trích Sổ cái TK 642 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	82
Hình 2.41. Trích Sổ chi tiết TK 6421 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	83
Hình 2.42. Trích Sổ chi tiết TK 6422 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.....	84
Hình 2.43. Màn hình hạch toán chi phí khác.	86
Hình 2.44. Trích Sổ nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	86
Hình 2.45. Trích Sổ cái TK 811 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.	87
Hình 2.46. Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.....	89
Hình 2.47. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.	90

Hình 2.48. Giao diện phần mềm kế toán “Bút toán khóa sổ”.....	91
Hình 2.49. Phiếu kết chuyển doanh thu.	92
Hình 2.50. Phiếu kết chuyển giá vốn hàng bán.....	93
Hình 2.51. Phiếu kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh.	93
Hình 2.52. Phiếu kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	94
Hình 2.53. Phiếu kết chuyển chi phí khác.....	94
Hình 2.54. Phiếu kết chuyển chi phí thuế TNDN.	95
Hình 2.55. Phiếu kết chuyển thu nhập khác.....	95
Hình 2.56. Phiếu kết chuyển lãi, lỗ.	96

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kết cấu TK 511.....	8
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.....	9
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp.	9
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý. .	10
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý.	10
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	11
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	12
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán TK 515.	13
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	14
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán TK 711.	15
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.	16
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán TK 632.	19
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.	20
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán TK 635.	21
Sơ đồ 1.15. Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....	22
Sơ đồ 1.16. Sơ đồ hạch toán TK 642.	23
Sơ đồ 1.17. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	24
Sơ đồ 1.18. Sơ đồ hạch toán TK811.	25
Sơ đồ 1.19. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.	26
Sơ đồ 1.20. Sơ đồ hạch toán TK 821.	28
Sơ đồ 1.21. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	29
Sơ đồ 1.22. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.	30
Sơ đồ 1.23. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.	30

Sơ đồ 1.24. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH Snap Kitchen từ 2019 đến nay.....	33
Sơ đồ 1.25. Bộ máy quản lý Công ty TNHH Snap Kitchen.	36
Sơ đồ 1.26. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Snap Kitchen.	38
Sơ đồ 1.27. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	40

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Các ngành nghề của Công ty TNHH Snap Kitchen đăng kí kinh doanh.	32
Bảng 2.2. Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2025.....	74

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXX	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐ	Hóa đơn
GTHL	Giá trị hợp lý
NVL	Nguyên vật liệu
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
VAT	Thuế giá trị gia tăng
XNK	Xuất nhập khẩu
MTV	Một thành viên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KC	Kết chuyển

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn tận tình từ Quý Thầy Cô, gia đình và đơn vị thực tập.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cùng toàn thể Quý Thầy Cô trong Khoa Kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu và tạo điều kiện thuận lợi để em có nền tảng vững chắc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn Giảng viên hướng dẫn – Cô Đặng Thanh Nga đã trực tiếp chỉ bảo, định hướng và góp ý tận tình cho em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen”*. Những ý kiến đóng góp quý báu của Cô là cơ sở quan trọng giúp em hoàn thiện bài khóa luận một cách tốt nhất.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh/chị nhân viên tại Công ty TNHH Snap Kitchen đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp số liệu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian thực tập tại công ty.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn động viên, hỗ trợ em cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận.

Do thời gian thực hiện và kiến thức còn hạn chế, bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của Quý Thầy Cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 5 năm 2026.

Sinh viên thực hiện

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ ANH THU

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để đạt được điều đó, việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đây không chỉ là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà còn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Đặc biệt, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Snap Kitchen, em đã lựa chọn đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen”* để nghiên cứu.

1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen, bao gồm các nghiệp vụ ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và xác định lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

+ Về thời gian: Số liệu được thu thập trong năm 2025.

+ Về nội dung: Tập trung nghiên cứu quy trình ghi nhận doanh thu, chi phí, phương pháp hạch toán và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.

Trong quá trình thực hiện đề tài, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm:

- Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập dữ liệu từ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan của công ty.

- Phương pháp quan sát: Quan sát thực tế quy trình kế toán tại đơn vị thực tập.

- Phương pháp phân tích và so sánh: Phân tích các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận; so sánh qua các kỳ để đánh giá hiệu quả hoạt động.

- Phương pháp tổng hợp: Tổng hợp thông tin nhằm đưa ra nhận xét và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán.

3. Cấu trúc của đề tài.

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

Chương 3: Một số nhận xét, ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Khái quát chung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Doanh thu.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác, trình bày các khái niệm cơ bản về doanh thu như sau:

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp).

Các khoản giảm trừ doanh thu theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác, trình bày các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu như sau:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ sau đó bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

b. Chi phí.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ, dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho chủ sở hữu.

Trong doanh nghiệp thương mại, chi phí phát sinh rất đa dạng, nhưng chủ yếu bao gồm các loại sau:

- Giá vốn hàng bán: Là toàn bộ giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa hàng hóa đến trạng thái sẵn sàng bán.

- Chi phí bán hàng: Là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, quảng cáo, khuyến mãi...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí nhân viên quản lý, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài...

- Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Việc ghi nhận chi phí phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, tức là chi phí phát sinh phải tương ứng với doanh thu trong cùng kỳ kế toán, nhằm phản ánh đúng kết quả hoạt động kinh doanh.

c. Kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp và nó phụ thuộc vào quy mô, chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy kết quả kinh doanh là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với ba hoạt động trên là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả của hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả sản xuất kinh doanh cuối cùng là tổng hợp của 3 loại trên.

Để xác định kết quả kinh doanh ta có các công thức tính như sau:

1. Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu.
2. Lãi gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
4. Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác
6. Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Nhiệm vụ.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh.

Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

b. Ý nghĩa.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng, quyết định sự sống còn của mỗi doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động, để đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính, để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, các khoản thanh toán là căn cứ giúp nhà cung cấp có quyết định bán hàng hay không bán hàng cho doanh nghiệp hoặc sử dụng phương pháp thanh toán hợp lý để tránh rủi ro cao nhất.

- Đối với các tài chính trung gian: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để đưa ra các quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà nước: Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Như vậy, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về hàng hóa từ người bán sang người mua, hoặc thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về khoản hàng hóa mà người bán chuyển giao.

Phương pháp xác nhận doanh thu thuần:

- Doanh thu thuần phát sinh từ các giao dịch được xác định bằng giá trị hợp lý nhất các khoản đã được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản thuế xuất khẩu (XK), tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), giá trị gia tăng (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” được phản ánh theo giá tiền chưa có thuế GTGT.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay, phần lãi trả chậm ghi vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm thuê tài sản.

- Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được hạch toán giảm trực tiếp trên tài khoản 511.

- Nếu trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn và thu tiền khách hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì chưa được coi là tiêu thụ và không được ghi vào tài khoản doanh thu mà chỉ ghi vào bên có của tài khoản 131 về các khoản đã thu của khách hàng. Khi giao cho khách hàng rồi mới ghi vào tài khoản doanh thu.

❖ ***Nguyên tắc xác nhận doanh thu.***

Doanh thu bán hàng có thể thu được tiền hoặc chưa thu được tiền ngay (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) sau khi doanh nghiệp đã giao sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế).

❖ ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu.***

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng:

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.

- Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.

❖ ***Các phương thức bán hàng.***

Trong nền kinh tế thị trường tiêu thụ hàng hóa được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau, theo đó hàng hóa được vận động đến tay người tiêu dùng. Việc lựa chọn và áp dụng linh hoạt các phương thức tiêu thụ đã góp phần không nhỏ vào thực hiện kế hoạch tiêu thụ của doanh nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp thường sử dụng các phương thức bán hàng sau:

a. Phương thức bán hàng trực tiếp.

Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

b. Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng.

Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại.

Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp thương mại chịu hay bên mua chịu là do sự thoả thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp thương mại chịu chi phí vận chuyển, sẽ được ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển sẽ đưa vào giá trị của hàng hóa đó.

c. Phương thức bán hàng thông qua đại lý.

Gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý, ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

d. Phương thức bán hàng trả chậm trả góp.

Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp, ngoài số tiền thu theo giá bán, thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hoá bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, các biên bản giảm giá hàng bán, biên bản hàng bán trả lại,...

- Chứng từ thanh toán khác:

+ Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh. Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.

+ Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

+ Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê chi tiết.

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” theo Thông tư 133/2016/TT-BTC có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

- Tài khoản 5112 – “Doanh thu bán thành phẩm”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp,...

- Tài khoản 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải,

bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- Tài khoản 5118 – “Doanh thu khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước,...

Kết cấu tài khoản:

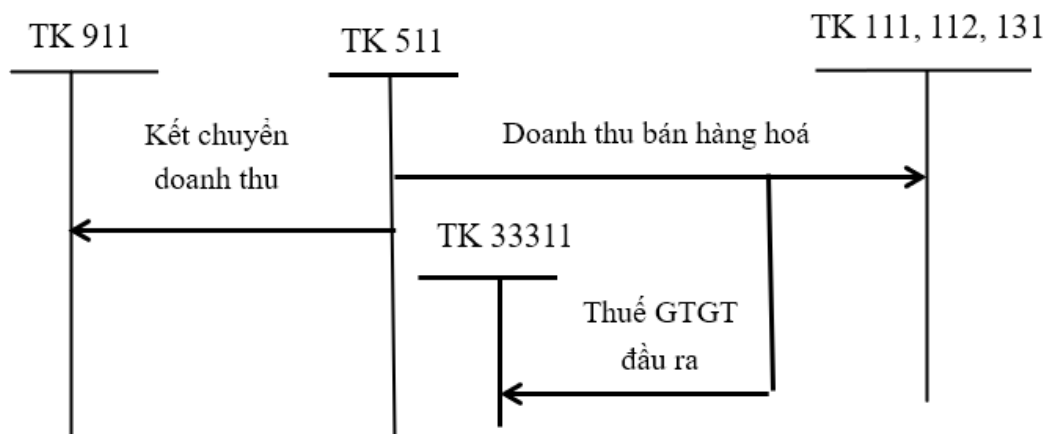
TK 511	
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá đã bán. - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hoá tiêu thụ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	- Doanh thu bán hàng hoá, bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kết cấu TK 511.

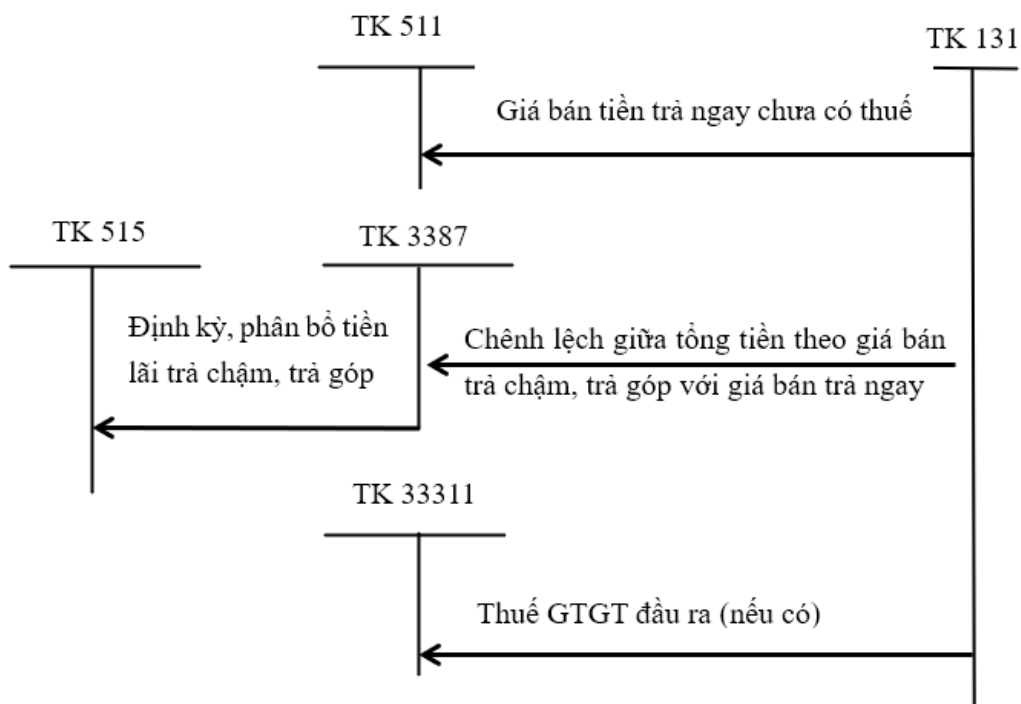
❖ *Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

- Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.

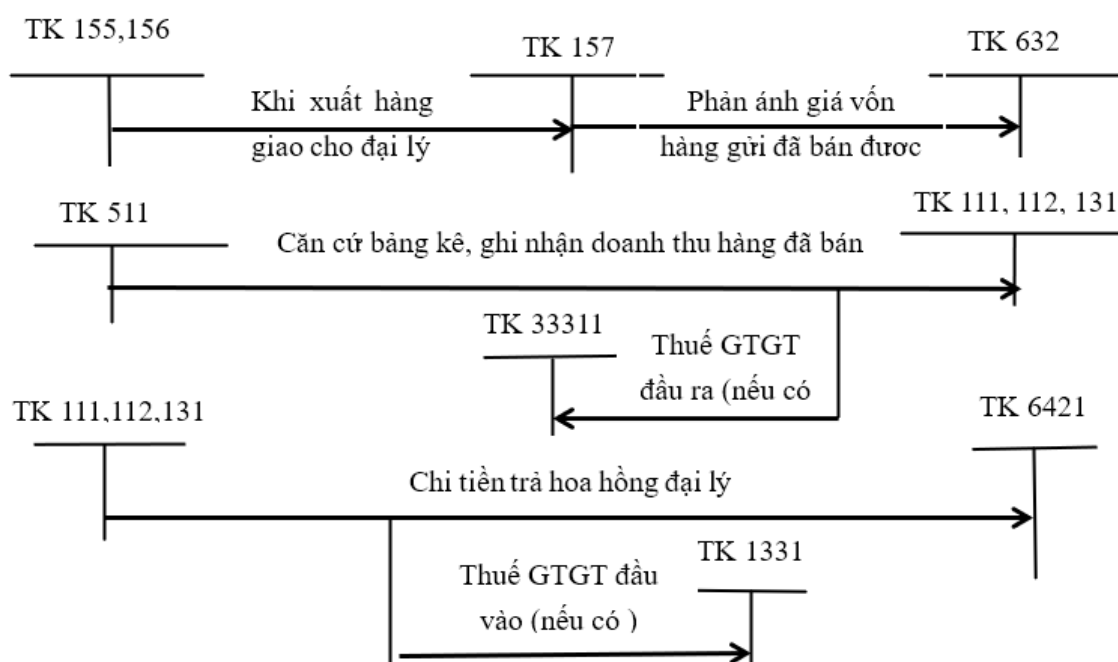
- Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp.



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp.

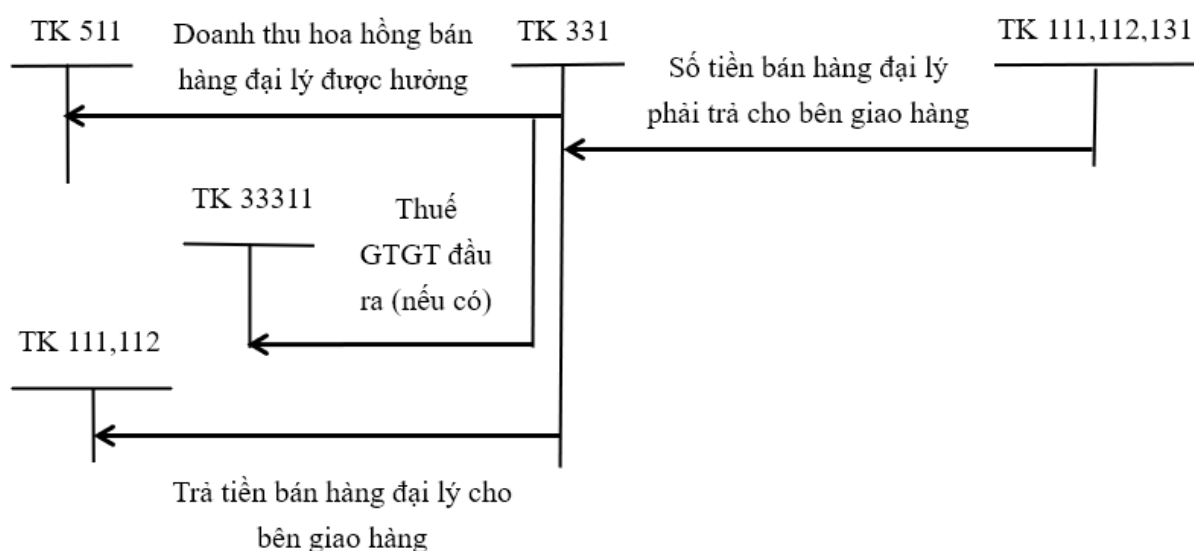
- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.

+ Tại đơn vị giao hàng đại lý.



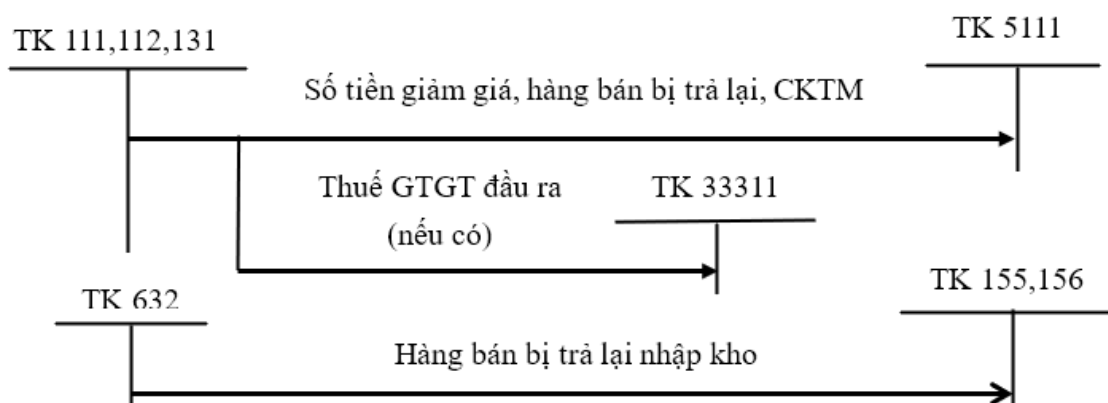
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý.

+ Tại đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng.



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý.

- Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém phẩm chất, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

- Hàng bán bị trả lại: Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: Hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại... Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

❖ **Chứng từ sử dụng.**

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh. Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.

- Hàng bán bị trả lại: Hoá đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

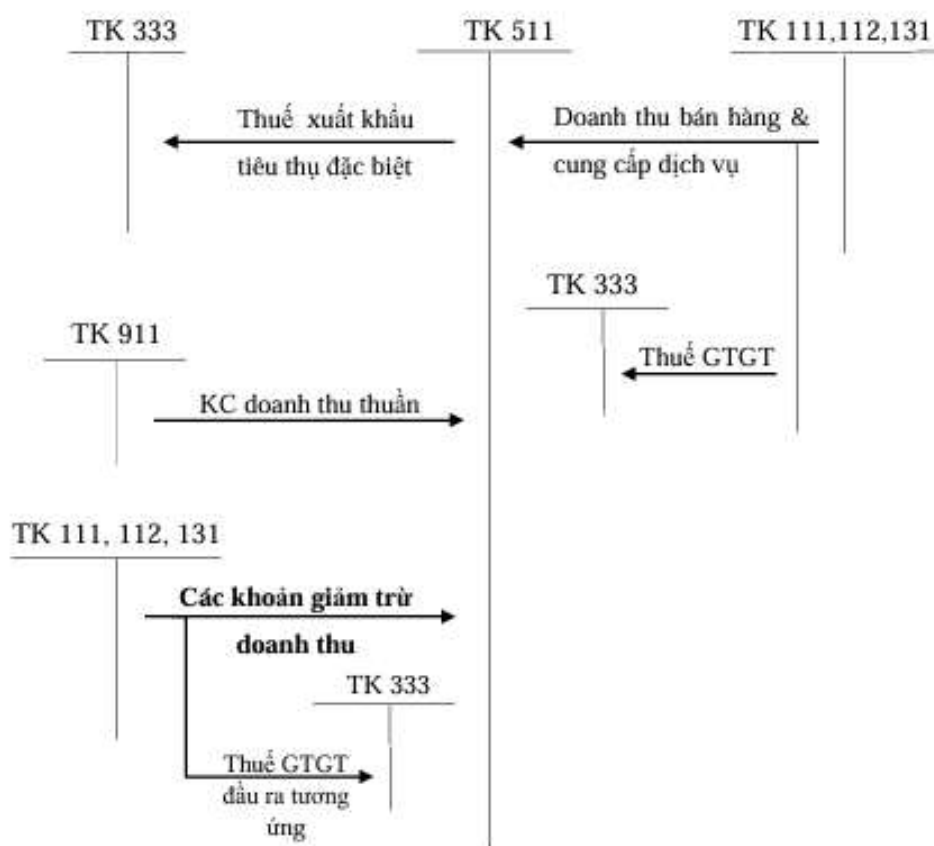
- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hoá đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

❖ **Tài khoản sử dụng.**

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Kết cấu tài khoản (Đã trình bày ở phần Kết cấu tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

❖ **Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.*

a. **Khái niệm.**

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chỉ được nhận khi thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện là có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi tiền gửi, cho cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm trả góp. Lãi do bán, chuyển nhượng công cụ tài chính, đầu tư liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Chênh lệch lãi do mua bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ.

- Thu nhập khác liên quan đến hoạt động tài chính

b. **Chứng từ, tài khoản sử dụng.**

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo có, phiếu thu, sổ phụ ngân hàng, sao kê ngân hàng các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, lãi chứng khoán, lãi tiền gửi, lãi cho vay, tiền lãi trả chậm, cho thuê tài sản..., tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

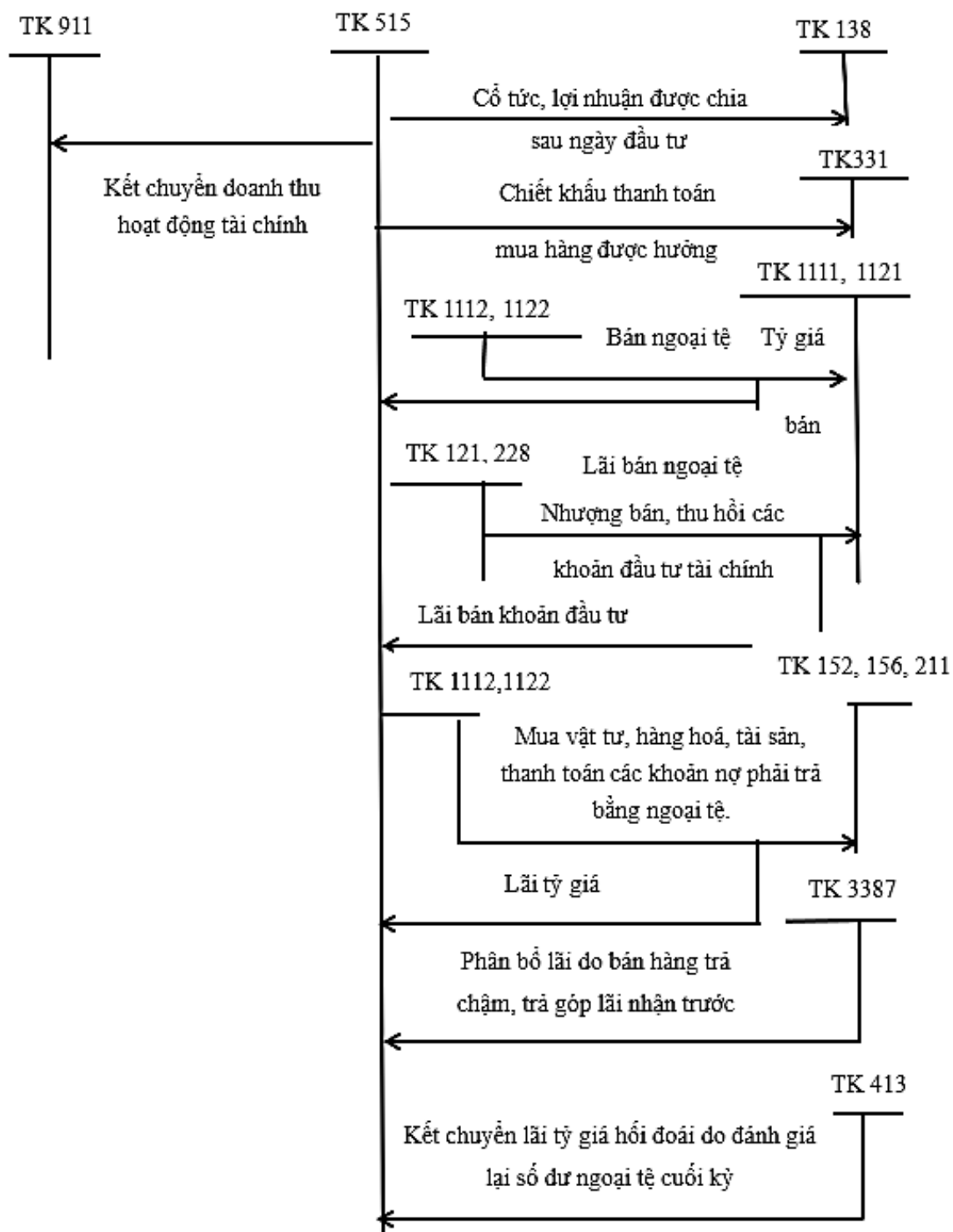
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
		

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán TK 515.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.3. *Kế toán thu nhập khác.*

a. **Khái niệm.**

Thu nhập khác là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thu nhập này doanh nghiệp không dự tính trước nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản thu nhập không thường xuyên.

b. **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thường, biên bản thanh lý tài sản cố định, biên bản vi phạm hợp đồng, hóa đơn bảo hiểm, biên bản xóa nợ, biên bản nộp thuế, các chứng từ kế toán khác có liên quan.

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

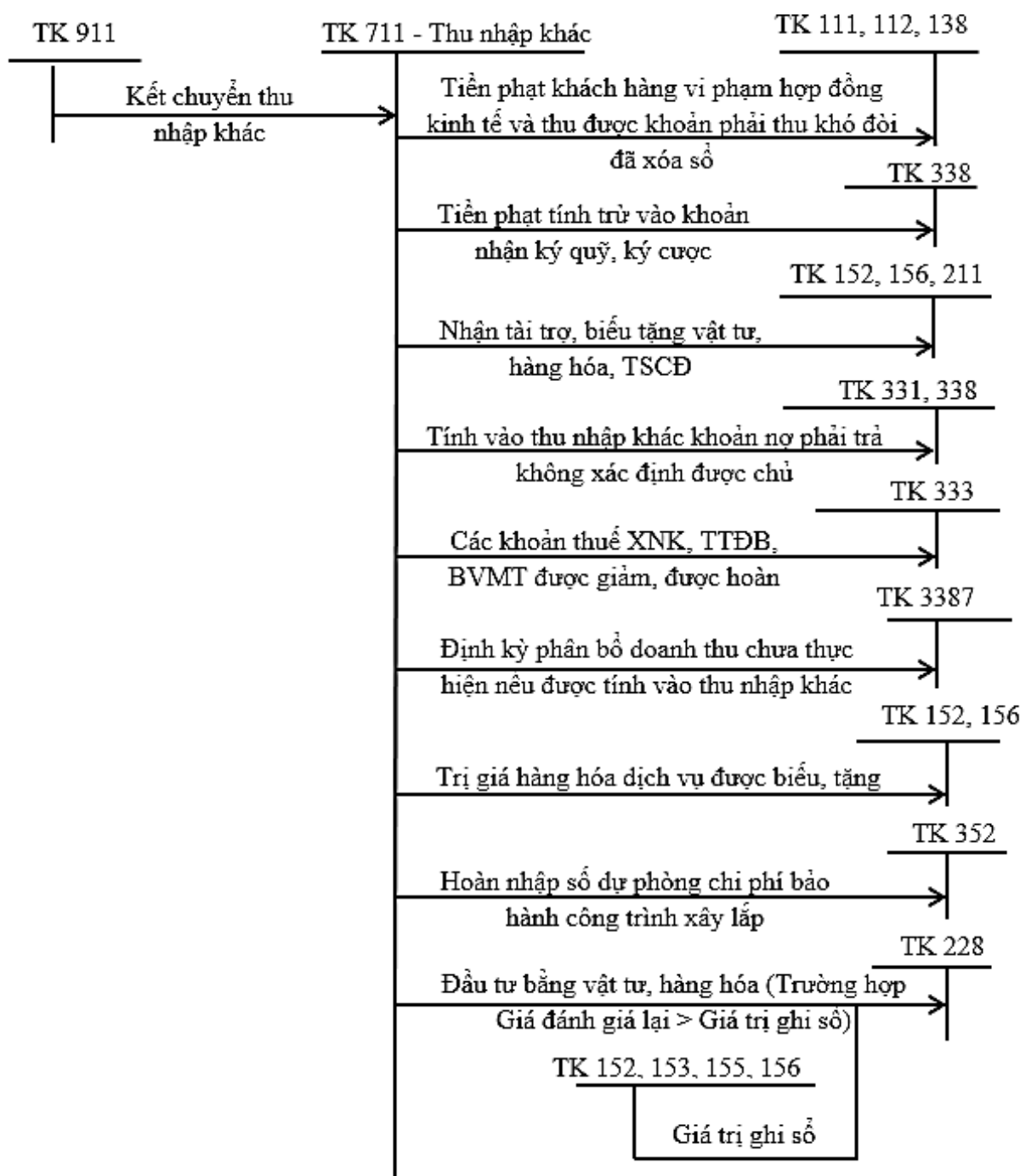
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán TK 711.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.

1.3. Kế toán chi phí.

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Khái niệm.

Căn cứ khoản 1 Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định nguyên tắc kế toán Tài khoản 632 Giá vốn hàng bán như sau: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất

của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

b. Các phương pháp xác định giá vốn.

- ***Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh:*** Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó. Thường sử dụng phương pháp này trong các doanh nghiệp có ít loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa hoặc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng lô hàng nhập xuất. Chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng có thể nhận diện được thì mới tính giá xuất kho được theo phương pháp này.

- ***Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước:*** Theo phương pháp này người ta căn cứ vào đơn giá mua hàng của từng lần nhập theo thứ tự, hàng nhập trước sẽ lấy đơn giá đó làm giá xuất trước nhưng phải đảm bảo mối tương quan về lượng của hàng có đơn giá đó.

Vì vậy hàng tồn kho đầu kì giả định là xuất trước tiên, số hàng xuất thêm sau đó được xuất đúng thứ tự như được mua vào nhập kho. Như vậy giá mua của hàng xuất kho được tính theo giá của hàng mua vào nhập kho tại các thời điểm đầu, giá mua của hàng tồn kho cuối kì sẽ là giá mua của hàng mua vào nhập sau cùng. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

- ***Xuất kho theo phương pháp bình quân:*** Phương pháp bình quân dựa trên giả định rằng: giá gốc của hàng tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán trong một kỳ kế toán phản ánh giá bình quân của các lần nhập và hàng tồn kho đầu kỳ kế toán. Theo phương pháp này giá gốc sản phẩm hàng hóa xuất trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kì, bình quân thời điểm).

+ *Phương pháp bình quân cả kỳ.*

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại } i$$

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng } i \text{ mua vào trong kỳ} - \text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ}$$

+ Phương pháp bình quân thời điểm.

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

$$\text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ mua và nhập ở lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t}$$

$$\text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế của hàng } i \text{ sau lần nhập } t$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & & & & & \\ \text{hàng i tồn kho} & = & \text{Giá thực tế hàng} & + & \text{Giá thực tế hàng i} & + & \text{Giá thực tế} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{i tồn kho đầu kỳ} & & \text{mua và nhập kho} & & \text{hàng i xuất kho} \end{array}$$

c. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, các chứng từ khác có liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”.

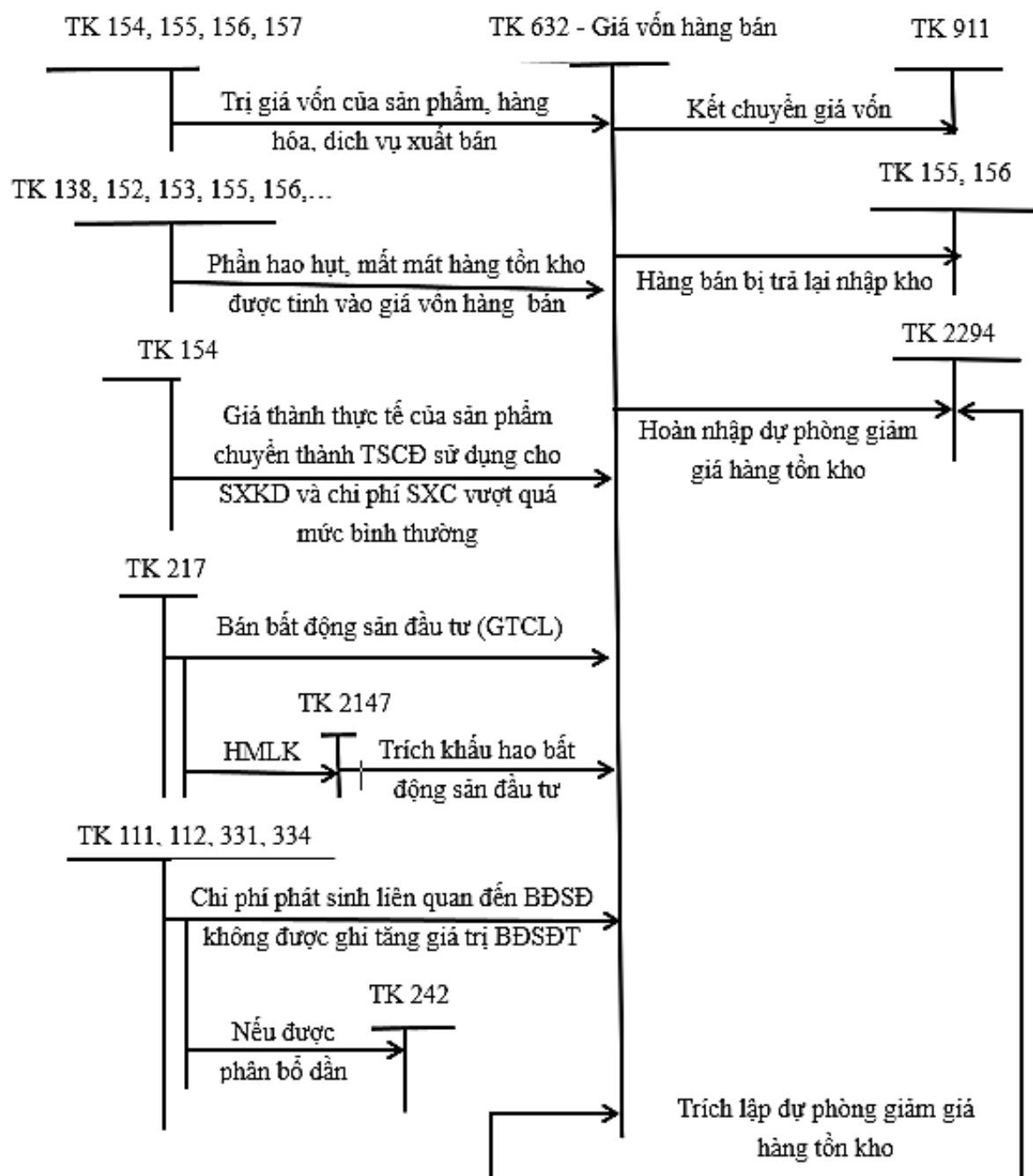
Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	✕	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán TK 632.

d. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.

1.3.2. *Kế toán chi phí hoạt động tài chính.*

a. **Khái niệm.**

Là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập. chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác..

b. **Chứng từ, tài khoản sử dụng.**

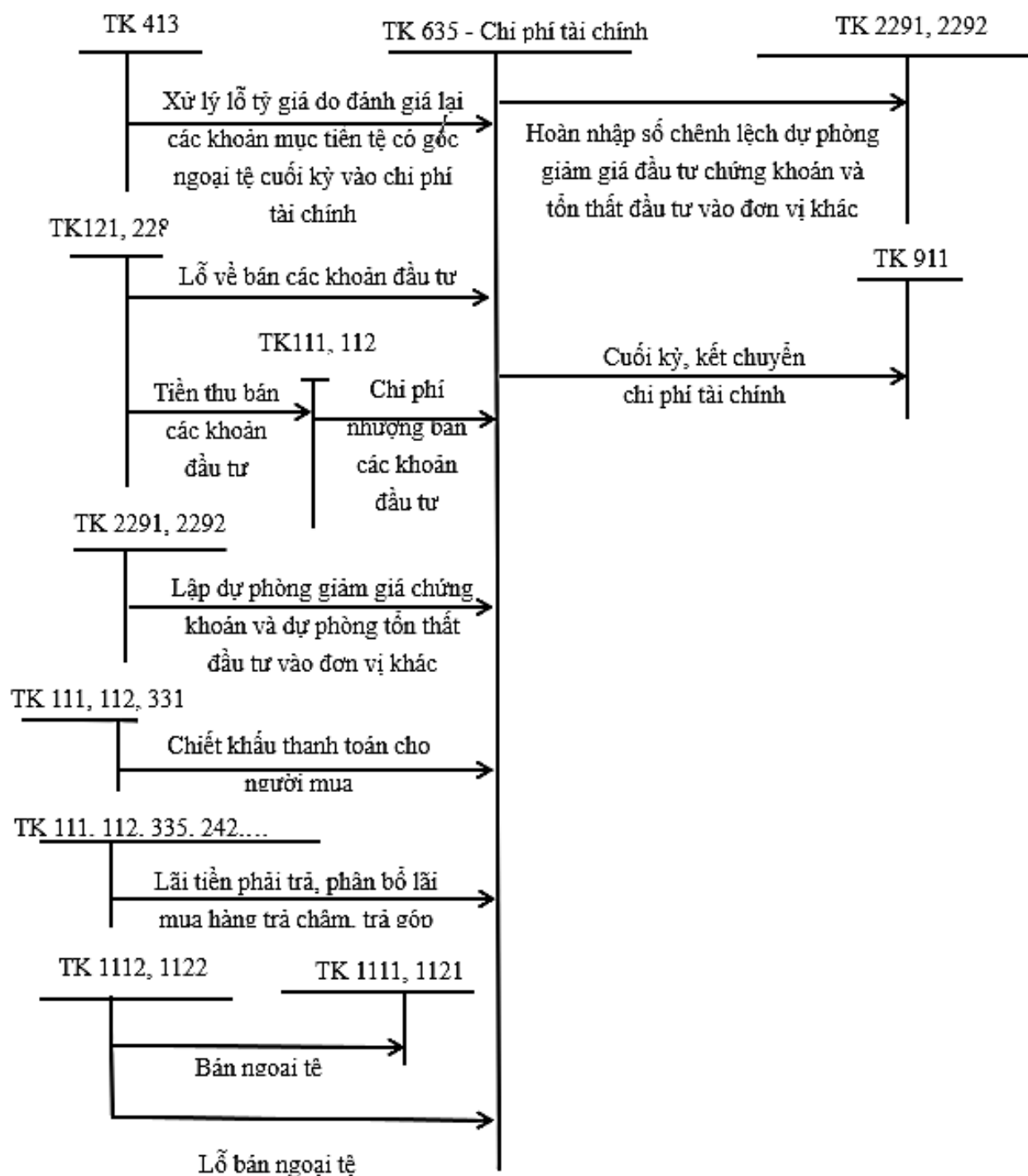
- Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ, phiếu chi, các chứng từ khác liên quan.
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ; - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán TK 635.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.15. Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

1.3.3. *Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.*

a. **Khái niệm.**

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, là một mục quan trọng trong tờ khai thuế, khoản chi phí này làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Như chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao,...

b. **Chứng từ, tài khoản sử dụng.**

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu chi, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, TSCĐ, các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421 – “Chi phí bán hàng”: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Tài khoản 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

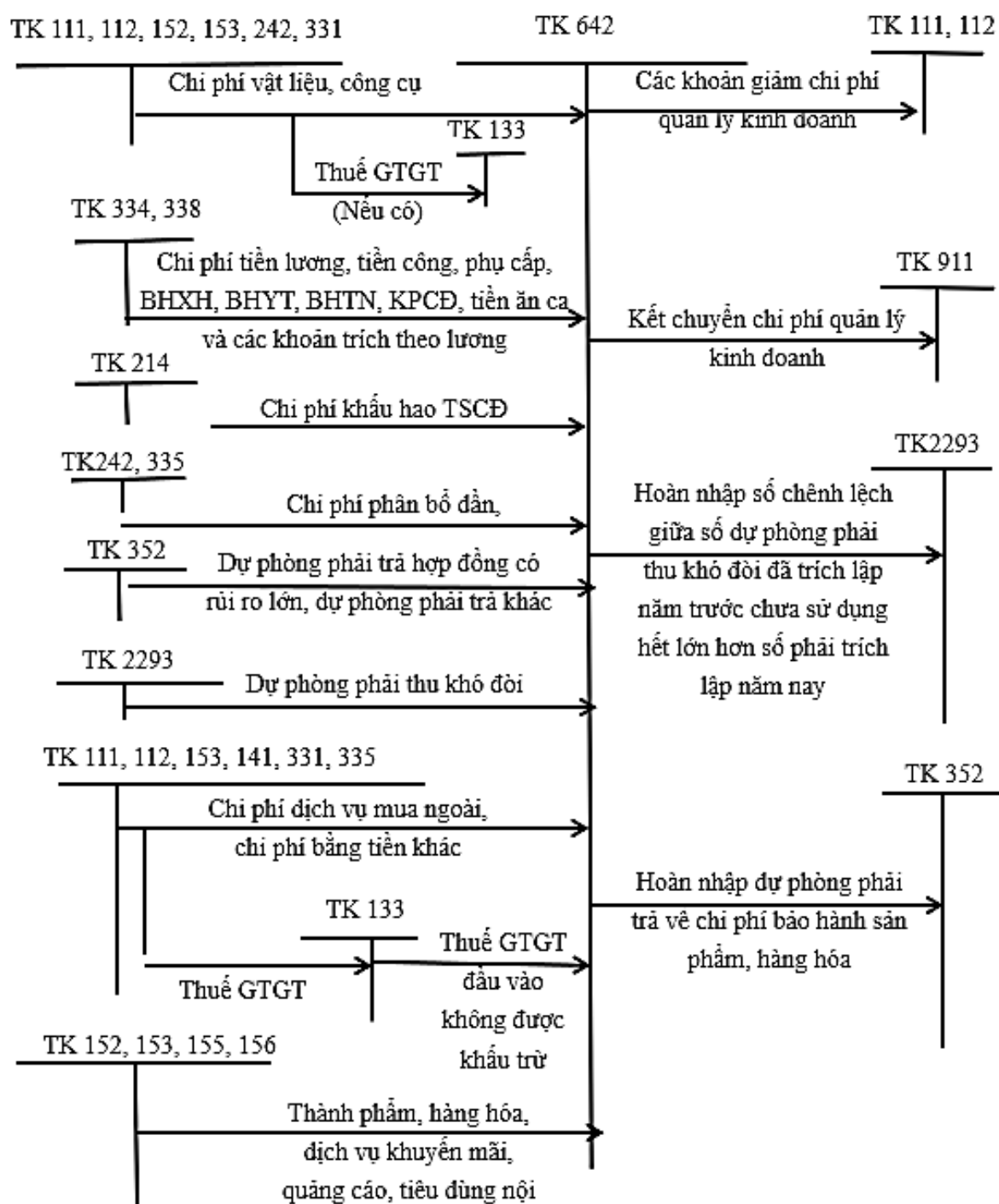
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
		

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.16. Sơ đồ hạch toán TK 642.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.17. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.3.4. Kế toán chi phí khác.

a. Khái niệm.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản khác.

b. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

- Chứng sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, biên bản vi phạm hợp đồng, biên lai nộp thuế, nộp phạt.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, thanh lý, nhượng bán, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác,...

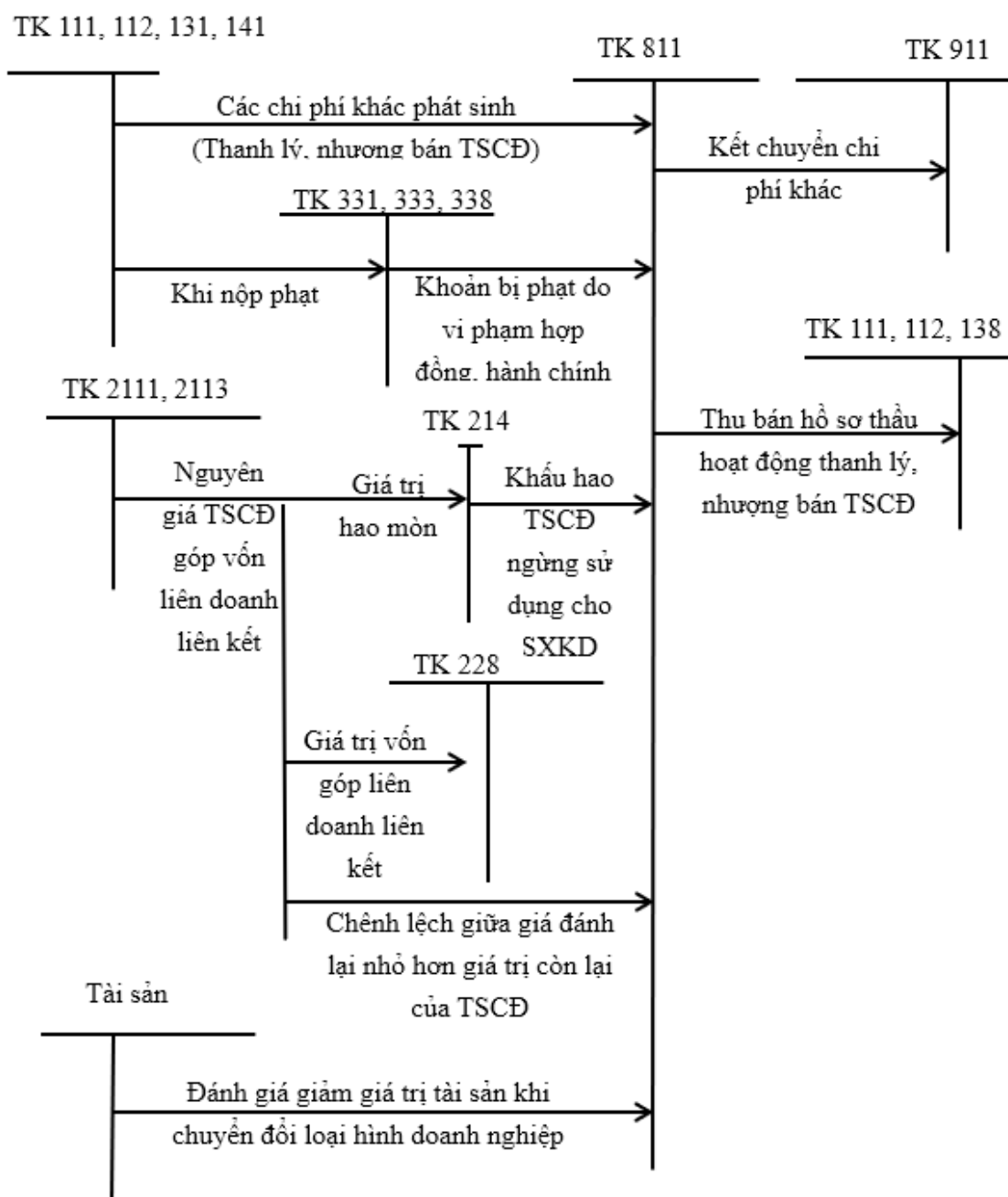
Kết cấu tài khoản:

TK 811	
Các khoản chi phí khác phát sinh.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
	✕

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.18. Sơ đồ hạch toán TK811.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.19. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

a. Nội dung kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi hoặc lỗ của một kỳ.

- Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác.

- Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC), ta có công thức tính số thuế TNDN phải nộp như sau:

Thuế TNDN phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế	-	Phần trích lập quỹ KH&CN) (Nếu có)	x	Thuế suất thuế TNDN
---------------------------	----------	----------------------------	----------	---	----------	----------------------------

Từ đó ta có thể xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp theo công thức sau:

Lợi nhuận sau thuế (LNst)	=	Tổng LNK T trước thuế	-	Thuế TNDN
----------------------------------	----------	------------------------------	----------	------------------

- Căn cứ theo Điều 11 Thông tư 78/2014/TT-BTC và điều 11,12 Thông tư 96/2015/TT-BTC quy định: Mức thuế suất thuế thu nhập cho tất cả các doanh nghiệp được áp dụng mức thuế suất là: 20%.

Trong đó, thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

Thu nhập tính thuế (TNCT)	=	Thu nhập chịu thuế (TNCT)	-	(Thu nhập được miễn thuế	+	Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)
----------------------------------	----------	----------------------------------	----------	---------------------------------	----------	--

- Theo điều 2, Thông tư 96/2015/TT-BTC Thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định theo công thức sau:

Thu nhập chịu thuế (TNCT)	=	Doanh thu thu nhập chịu thuế (TNCT)	-	Chi phí được trừ trong kỳ	+	Các khoản thu nhập khác
----------------------------------	----------	--	----------	----------------------------------	----------	--------------------------------

b. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ.
- Tờ khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

c. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

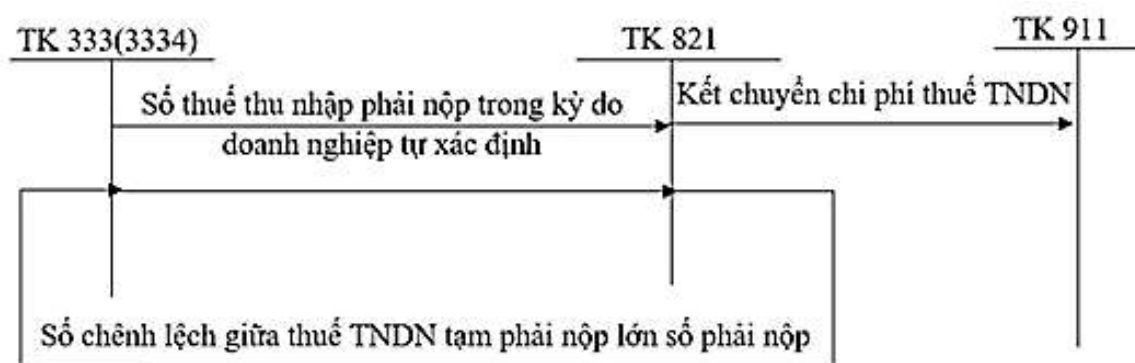
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kì.

Sơ đồ 1.20. Sơ đồ hạch toán TK 821.

d. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.21. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

a. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ và chính xác kết quả hoạt động kinh doanh chi tiết theo từng loại hoạt động.

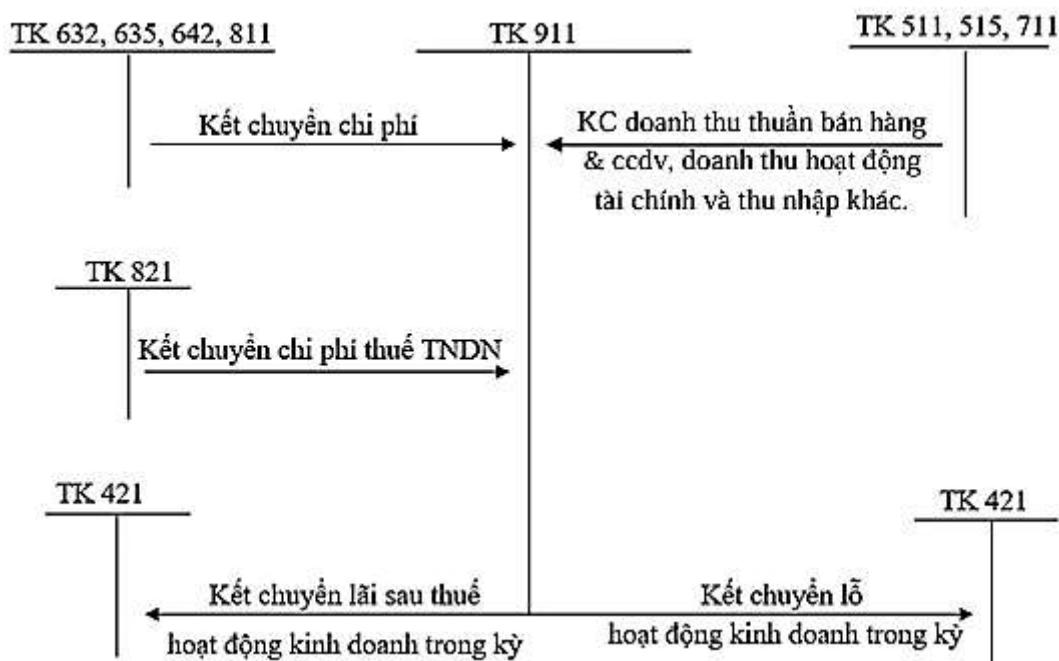
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.22. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

c. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.23. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN.

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Snap Kitchen.

2.1.1. Khái quát chung về công ty.

2.1.1.1. Giới thiệu về công ty.

Tên đơn vị: Công ty TNHH Snap Kitchen.

Tên quốc tế: SNAP KITCHEN COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: SNAP KITCHEN CO., LTD.

Người đại diện: Nguyễn Hoàng Hạnh Vân.

Logo công ty:



Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0401989990.

Điện thoại: 0932.459.954.

Ngày hoạt động: 17/07/2019.

Quản lý bởi: Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Loại hình hồ sơ: Doanh nghiệp trong nước.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước.

Ngành nghề chính: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Có tổng 12 ngành nghề được đăng kí kinh doanh, bao gồm:

Bảng 2.1. Các ngành nghề của Công ty TNHH Snap Kitchen đăng kí kinh doanh.

Mã	Ngành
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa.
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. (Trừ hàng hóa Nhà nước cấm)
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. (Ngành nghề chính)
4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh.
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm làm từ trầm hương.
5820	Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm.
6201	Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Thiết kế website.
6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
7310	Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo thương mại (không đập, cắt, gò, hàn, sơn, gia công cơ khí tại trụ sở).
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế tạo mẫu (không bao gồm thiết kế công trình xây dựng).

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.

Ra đời vào năm 2019, Snap Kitchen bắt nguồn từ khát khao kiến tạo một không gian bếp hiện đại – nơi mỗi bữa ăn không chỉ là dinh dưỡng, mà còn là niềm vui và sự gắn kết của gia đình.

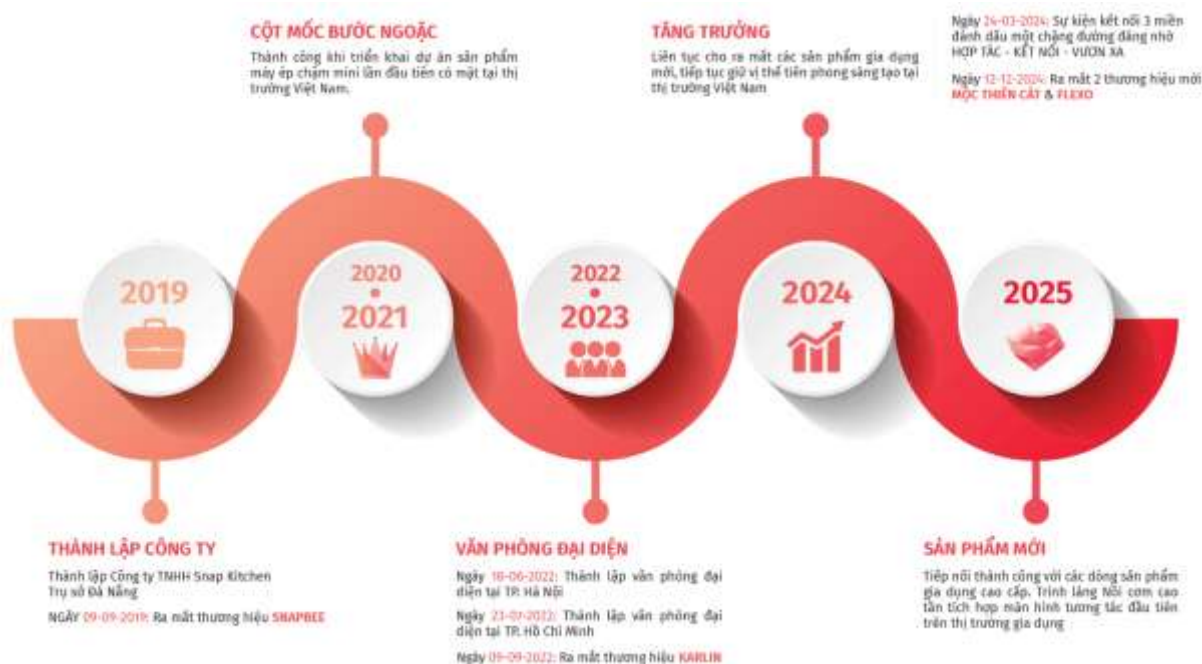
Thời đại mới với nhịp sống hối hả khiến con người phải chia nhỏ mình trong nhiều vai trò: Làm việc, chăm sóc gia đình, cân bằng sức khỏe và cảm xúc. Trong

guồng quay ấy, căn bếp trở thành trái tim của ngôi nhà, nhưng lại thường bị đánh đổi bởi sự bận rộn và thiếu thời gian.

Snap Kitchen tin rằng: Một căn bếp tiện nghi, thông minh và đáng tin cậy sẽ giúp con người sống chậm lại, tận hưởng trọn vẹn bữa cơm nhà và dành nhiều hơn những khoảnh khắc ý nghĩa cho bản thân.

Vì thế, *Snap Kitchen* không ngừng nỗ lực tìm kiếm, phát triển và phân phối những giải pháp gia dụng chất lượng cao: từ Karlin – gia dụng cao cấp chuẩn châu Âu, đến SnapBee – thiết bị bếp thông minh đa năng, cùng các thương hiệu đồng hành như Mộc Thiên Cát, FlexO.

Mỗi sản phẩm đều được chọn lọc kỹ lưỡng, đảm bảo sự kết hợp giữa chất lượng, tiện ích và thẩm mỹ, để căn bếp trở thành nơi giữ lửa hạnh phúc chứ không còn là gánh nặng của nhịp sống bận rộn.



Sơ đồ 1.24. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH Snap Kitchen từ 2019 đến nay.

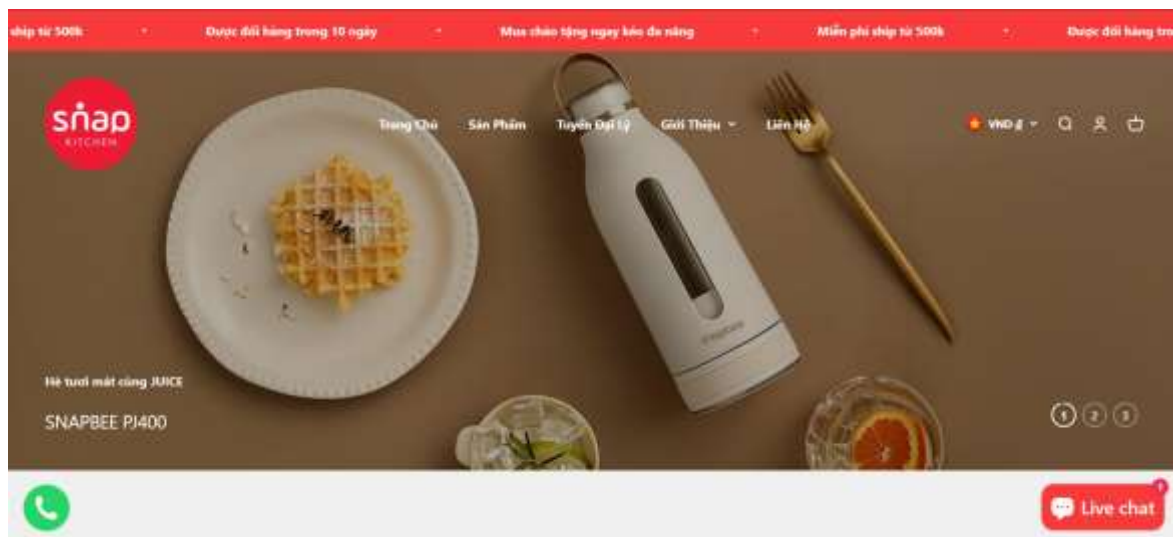
2.1.1.3. Lĩnh vực hoạt động, chức năng – sứ mệnh.

a. Lĩnh vực hoạt động.

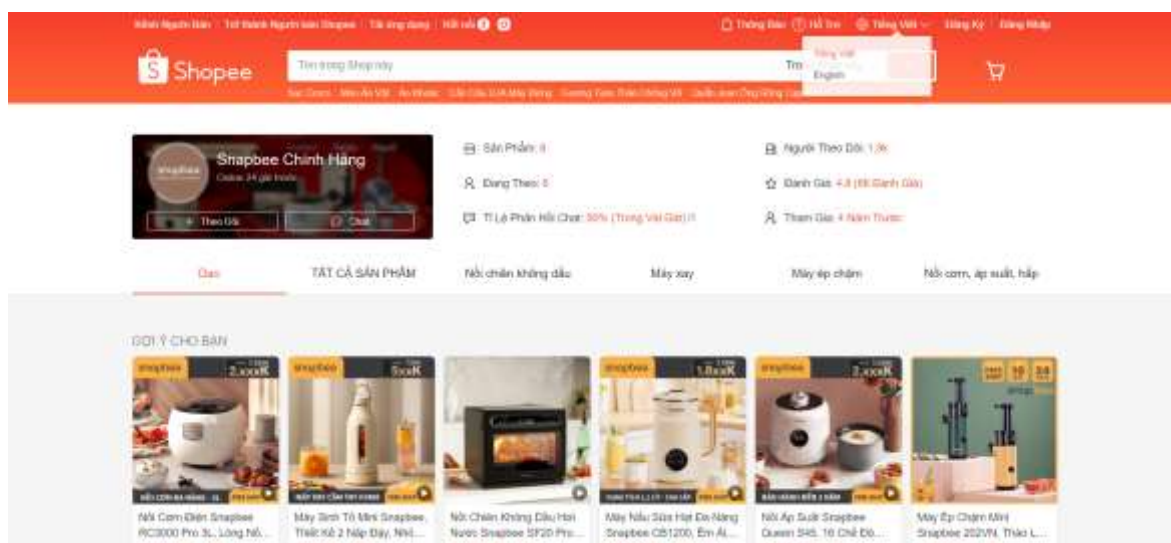
Công ty TNHH Snap Kitchen hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh, phân phối các sản phẩm và thiết bị gia dụng nhà bếp phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người tiêu dùng trong, ngoài nước. Các sản phẩm kinh doanh của công ty mang các thương hiệu do doanh nghiệp quản lý như Karlin, Snapbee, bao gồm các mặt hàng:

Máy xay, máy ép, nồi điện, thiết bị chế biến thực phẩm và các sản phẩm gia dụng liên quan.

Ngoài ra, công ty còn mở rộng hoạt động thông qua các kênh bán hàng trực tuyến, hệ thống đại lý và cộng tác viên trên toàn quốc nhằm tăng khả năng tiếp cận khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ.



Hình 2.1. Website chính thức của Snap Kitchen.



Hình 2.2. Snap Kitchen trên sàn thương mại Shopee.

2.1.1.4. Sứ mệnh – nhãn hiệu.

Slogan: “Bếp Snap - Bếp của chất lượng - Bếp của tương lai.”

Snap Kitchen ra đời như một người bạn đồng hành của gia đình Việt, với sứ mệnh mang đến những giải pháp bếp thông minh – tiện nghi – an toàn, để mỗi bữa ăn không chỉ ngon miệng mà còn vun đắp cho sức khỏe và tình thân.

SNAP: Gọi nhắc đến sự nhanh gọn, chính xác và tiện lợi – giống như một cú “chụp lầy” (Snap) tức thì. Nó biểu tượng cho phong cách sống hiện đại, nơi mọi giải pháp đều cần tốc độ, tinh gọn và hiệu quả. Trong bối cảnh nhà bếp, “snap” còn hàm ý những sản phẩm giúp người nội trợ tiết kiệm thời gian nhưng vẫn đảm bảo chất lượng bữa ăn.

KITCHEN: Là trái tim của ngôi nhà, nơi gìn giữ lửa ấm và nuôi dưỡng sức khỏe cho cả gia đình. “Kitchen” trong tên thương hiệu nhấn mạnh vào không gian sống gần gũi, nơi công nghệ và tiện ích của Snap Kitchen hiện diện để hỗ trợ, chứ không thay thế tình cảm và sự gắn kết.

SNAP KITCHEN: Chính là cam kết mang đến những giải pháp nhà bếp thông minh – thuần việt – dẫn đầu xu hướng, yếu tố dinh dưỡng và an toàn được ưu tiên hàng đầu.

Snap Kitchen đã, đang và sẽ không ngừng cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao và dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhằm mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng, cũng như đóng góp tích cực cho các hoạt động vì một Việt Nam ăn uống sạch, lành mạnh.

Kể từ khi sản phẩm được phân phối tới người tiêu dùng Việt Nam, Snap Kitchen đã liên tục phát triển về quy mô sản xuất và doanh số bán hàng. Đại lý và hệ thống Cộng tác viên ngày càng phát triển và phủ rộng khắp mọi miền.

Đội ngũ nhân viên như Designer, kỹ thuật, sale, support đều là những bạn trẻ năng động, yêu thích công việc. Biết lắng nghe và thấu hiểu khách hàng.

Snap Kitchen cam kết mang giải pháp bếp an toàn – tiện dụng – chất lượng cao, giúp người dùng Việt tự tin vào bếp, sống xanh và bền vững. Với hệ thống showroom tại Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng và chương trình cộng tác viên rộng khắp, Snap Kitchen hướng đến xây dựng cộng đồng “Theo bạn vào bếp” hiện đại và thân thiện.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.

2.1.2.1. Hoạt động & thị trường.

Công ty cung cấp và phân phối thiết bị và đồ điện gia dụng cho nhà bếp, nhắm tới người tiêu dùng có nhu cầu nâng cấp không gian bếp, phục vụ nấu ăn tiện lợi hơn trong gia đình.

Họ còn tuyển dụng đại lý và cộng tác viên để bán sản phẩm, với chính sách hoa hồng và cơ hội thu nhập cho người làm cộng tác kinh doanh.

Sản phẩm được quảng bá là hàng chính hãng (có xác thực thông tin chống hàng giả) để đảm bảo an toàn và chất lượng với người dùng.

2.1.2.2. Kênh phân phối.

- Bán lẻ trực tiếp qua cửa hàng: Công ty có hệ thống cửa hàng/showroom ở một số thành phố lớn, nơi khách hàng có thể đến xem và mua sản phẩm trực tiếp:

- + Hà Nội — Biệt thự Bán Đảo Linh Đàm.
- + TP. Hồ Chí Minh — Lavita Charm, Thủ Đức.
- + Đà Nẵng — Trung Lương 15, Hòa Xuân.

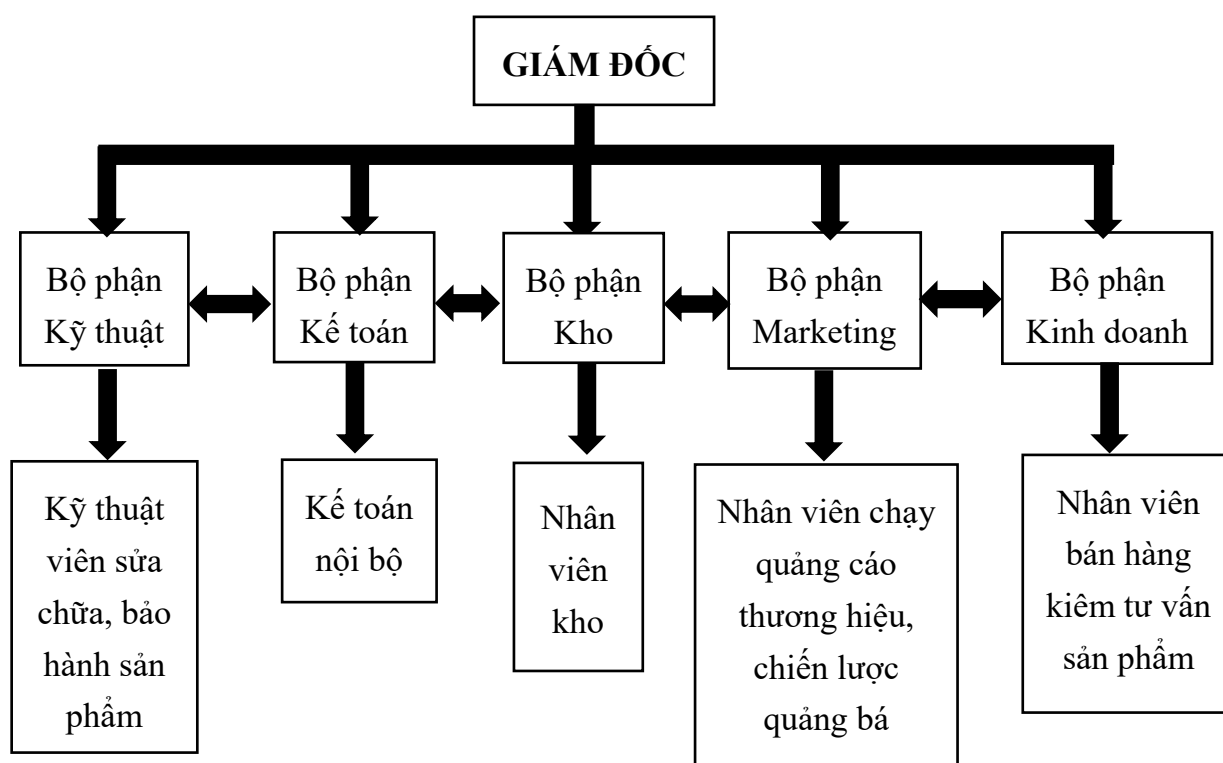
- Bán hàng trực tuyến qua website: Công ty vận hành website snapkitchen.vn, nơi giới thiệu sản phẩm chi tiết và cho phép khách hàng đặt hàng trực tuyến.

- Mạng lưới đại lý và cộng tác viên: Snap Kitchen tuyển đại lý và cộng tác viên để phân phối sản phẩm trên thị trường. Người làm đại lý/cộng tác viên có thể bán hàng qua fanpage, kênh xã hội, mối quan hệ cá nhân hoặc cộng đồng, hưởng hoa hồng bán hàng theo chính sách công ty.

Đây là kênh phân phối gián tiếp giúp công ty mở rộng phủ sóng sản phẩm tới nhiều tỉnh thành hơn mà không phải mở cửa hàng ở tất cả nơi.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.

a. Sơ đồ tổ chức.



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo:

Quan hệ hỗ trợ:



Sơ đồ 1.25. Bộ máy quản lý Công ty TNHH Snap Kitchen.

b. Chức năng các phòng ban.

- Giám đốc: Là người quản lý cao nhất, chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động sản xuất – kinh doanh và sự phát triển của công ty. Giám đốc xây dựng chiến lược, định hướng kinh doanh, tổ chức điều hành các phòng ban, ban hành chính sách quản lý nội bộ, đồng thời giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Bộ phận Kỹ thuật: Chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng kỹ thuật của sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng. Bộ phận này thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bảo hành, bảo trì sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu của công ty.

- Bộ phận Kế toán: Thực hiện công tác hạch toán, quản lý tài chính và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp. Bộ phận có nhiệm vụ theo dõi thu – chi, công nợ, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế, đồng thời cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản lý và ra quyết định của Giám đốc.

- Bộ phận Kho: Chịu trách nhiệm xuất hàng theo đúng phiếu xuất hoặc đơn hàng đã được phê duyệt, đảm bảo đúng số lượng và chủng loại. Bên cạnh đó, bộ phận kho còn theo dõi, cập nhật tình hình nhập – xuất – tồn, thực hiện kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để phát hiện và xử lý kịp thời các chênh lệch. Ngoài ra, bộ phận kho còn phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan như kế toán, bán hàng và mua hàng nhằm đảm bảo cung ứng hàng hóa kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận Marketing: Phụ trách nghiên cứu thị trường, xây dựng và triển khai các chiến lược marketing nhằm quảng bá sản phẩm và phát triển thương hiệu Snap Kitchen. Bộ phận thực hiện các hoạt động truyền thông, quản lý nội dung trên các kênh quảng bá và hỗ trợ Bộ phận Kinh doanh trong việc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

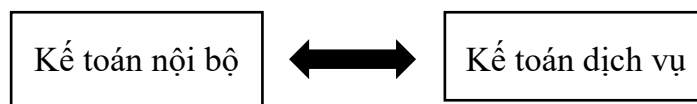
- Bộ phận Kinh doanh: Trực tiếp tạo ra doanh thu cho công ty thông qua hoạt động bán hàng và chăm sóc khách hàng. Bộ phận có nhiệm vụ tìm kiếm, phát triển khách hàng, thực hiện chính sách bán hàng, theo dõi tình hình tiêu thụ và phối hợp với các bộ phận liên quan để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán.

Cơ cấu Bộ phận Kế toán có một Kế toán nội bộ ở trụ sở chính để giao dịch với phía Dịch vụ kế toán (Công ty TNHH Thư Viện Kế Toán).

Về bản chất, kế toán nội bộ chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và trung thực của chứng từ, số liệu phát sinh thực tế, còn kế toán dịch vụ chịu trách nhiệm về xử lý nghiệp vụ kế toán, lập báo cáo và kê khai thuế đúng quy định.

Hai bên phối hợp chặt chẽ nhằm: Hạn chế sai sót kế toán – thuế, đảm bảo thông tin tài chính kịp thời, chính xác cho ban lãnh đạo.



Ghi chú:

Quan hệ hỗ trợ: 

Sơ đồ 1.26. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Snap Kitchen.

a. Nhiệm vụ của kế toán nội bộ.

Kế toán nội bộ là người làm việc trực tiếp tại Công ty, chịu trách nhiệm tập hợp, kiểm tra và quản lý số liệu phát sinh hằng ngày, làm cầu nối giữa doanh nghiệp và kế toán dịch vụ.

- Thu thập và kiểm tra chứng từ kế toán: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp pháp – hợp lý – hợp lệ của các chứng từ phát sinh.
- Ghi nhận và theo dõi số liệu nội bộ.
- Lập và chuyển hồ sơ cho kế toán dịch vụ.
- Phối hợp và hỗ trợ công tác kế toán – thuế.

b. Nhiệm vụ của kế toán dịch vụ.

Kế toán dịch vụ là đơn vị chuyên môn bên ngoài, chịu trách nhiệm xử lý số liệu kế toán – thuế theo quy định pháp luật trên cơ sở chứng từ do doanh nghiệp cung cấp.

- Hạch toán kế toán và ghi sổ kế toán.
- Lập và kê khai các loại thuế: Thuế GTGT (theo quý), Thuế TNCN, Thuế TNDN tạm tính.
- Lập báo cáo tài chính và quyết toán thuế, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Chịu trách nhiệm về tính tuân thủ pháp luật.

2.1.5. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng.

2.1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng.

Công ty TNHH Snap Kitchen là doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn, có quy mô nhỏ và vừa, do đó công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo: Thông tư số 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/08/2016, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, bao gồm các tài khoản chủ yếu:

- Tài khoản tiền và tương đương tiền.
- Tài khoản hàng tồn kho.
- Tài khoản doanh thu, chi phí.
- Tài khoản công nợ phải thu, phải trả.
- Tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

2.1.5.2. Chính sách kế toán áp dụng.

a. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ và phương pháp kế toán.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Đồng Việt Nam (VNĐ).

Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, phù hợp với hoạt động mua bán hàng hóa, thiết bị gia dụng và phân phối sản phẩm.

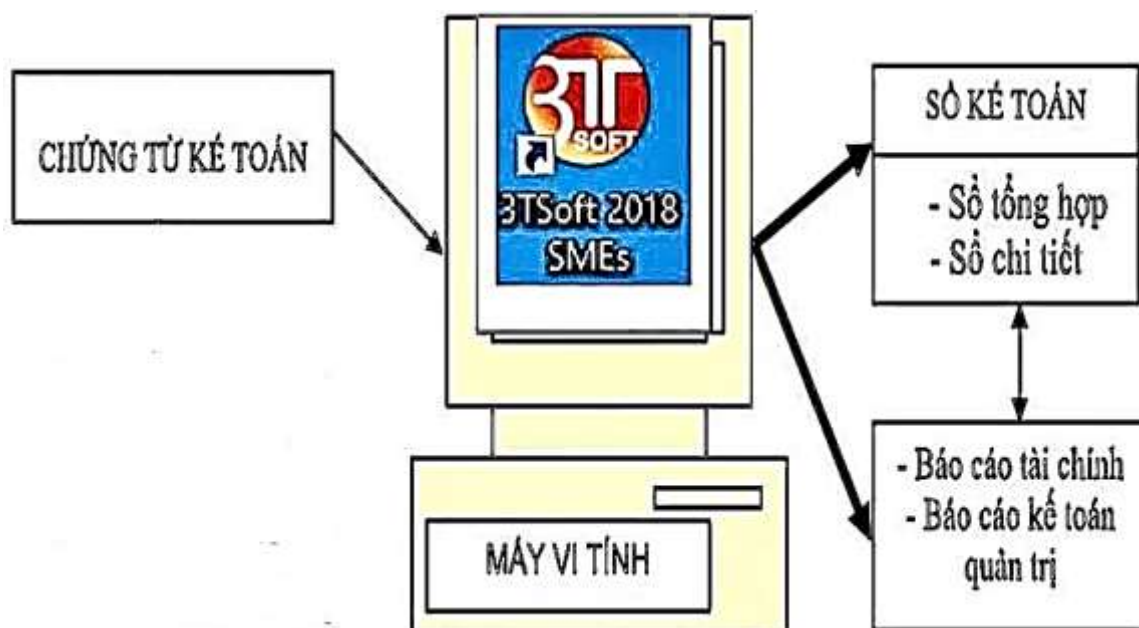
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá xuất kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng.

b. Hình thức sổ kế toán.

Căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động kinh doanh, công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán “ Nhật ký chung” với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kế toán 3TSOFT theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.



Sơ đồ 1.27. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Ghi chú:

→	Nhập số liệu mỗi ngày
→	In sổ, báo cáo cuối tháng hoặc định kỳ
↔	Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết nhập nghiệp vụ phát sinh và phần mềm kế toán 3TSOFT, dữ liệu sẽ tự động chuyển qua các sổ theo như sổ đồ lưu chuyển chứng từ như trên: Sổ Nhật ký chung và Sổ, Thẻ kế toán chi tiết (Sổ chi tiết các tài khoản do kế toán viên cài đặt trước).

Công ty thực hiện các nghiệp vụ phát sinh kinh tế hàng ngày và không mở sổ Nhật ký đặc biệt. Cuối quý cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng sẽ được dùng để lập các Báo cáo tài chính cuối năm. Cuối năm, Sổ kế toán được in ra giấy và đóng thành quyển.

2.1.6. Đặc điểm quản lý và quy trình kinh doanh ảnh hưởng đến kế toán bán hàng.

Hoạt động bán hàng của Công ty TNHH Snap Kitchen chịu ảnh hưởng trực tiếp từ đặc điểm sản phẩm kinh doanh, đặc điểm khách hàng cũng như quy trình bán hàng – thu tiền mà công ty đang áp dụng. Những yếu tố này không chỉ quyết định hiệu quả kinh doanh mà còn tác động sâu sắc đến cách thức tổ chức, ghi nhận và kiểm soát thông tin trong công tác kế toán bán hàng.

a. Đặc điểm sản phẩm.

Công ty TNHH Snap Kitchen hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh và phân phối thiết bị, đồ điện gia dụng nhà bếp. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm: Máy xay nấu sữa hạt, máy ép chậm, nồi chiên không dầu, máy xay sinh tố và các thiết bị nhà bếp thông minh khác.

b. Đặc điểm về giá trị và tính chất sản phẩm.

Các sản phẩm của công ty có giá trị tương đối cao so với mặt bằng tiêu dùng thông thường, do đó mỗi nghiệp vụ bán hàng đều có giá trị đáng kể. Sản phẩm có thời gian sử dụng dài, không mang tính tiêu dùng nhanh, nên khách hàng thường cân nhắc kỹ trước khi mua.

Điều này yêu cầu kế toán bán hàng phải ghi nhận doanh thu chính xác, đúng thời điểm, hạn chế tối đa sai sót.

c. Đặc điểm về quản lý hàng hóa.

Hàng hóa có mẫu mã, chủng loại và mã sản phẩm đa dạng, đòi hỏi kế toán phải theo dõi chi tiết từng loại hàng tồn kho. Công ty quản lý hàng hóa theo mã hàng, từ đó xác định giá vốn hàng bán chính xác cho từng sản phẩm.

Mỗi nghiệp vụ xuất bán đều gắn liền với phiếu xuất kho, là căn cứ để kế toán ghi nhận giá vốn.

2.1.7. Đặc điểm khách hàng.

Khách hàng của Công ty TNHH Snap Kitchen có tính đa dạng cao, bao gồm nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm có những đặc điểm riêng ảnh hưởng đến công tác kế toán bán hàng.

a. Cơ cấu khách hàng.

- Khách hàng cá nhân: Mua sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình.
- Khách hàng đại lý, cộng tác viên: mua với mục đích phân phối lại sản phẩm.
- Khách hàng mua hàng trực tuyến: Thông qua website, mạng xã hội và các nền tảng bán hàng online như Shopee.

b. Đặc điểm về phương thức thanh toán.

Khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán khi nhận hàng (COD).

Đối với khách hàng đại lý, công ty áp dụng hình thức bán chịu, cho phép thanh toán chậm trong một khoảng thời gian nhất định.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

a. Nội dung kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen chủ yếu phát sinh từ hoạt động bán buôn, bán lẻ các sản phẩm gia dụng nhà bếp. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất, phản ánh đặc điểm doanh nghiệp thương mại.

- Phương thức bán hàng.

+ Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng/kho: Khách hàng đến trực tiếp showroom hoặc kho của công ty để xem, lựa chọn sản phẩm. Nhân viên bán hàng tư vấn, lập đơn bán và giao hàng trực tiếp hoặc hẹn giao sau.

+ Bán hàng qua kênh online: Công ty bán hàng thông qua các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo) và sàn thương mại điện tử Shopee. Đối với khách hàng đặt hàng trên Shopee, công ty sẽ xác nhận đơn, đóng gói và giao hàng thông qua đơn vị vận chuyển do Shopee liên kết.

+ Bán buôn cho đại lý/cửa hàng: Áp dụng chính sách giá sỉ và chiết khấu thương mại cho khách hàng mua thường xuyên, số lượng lớn.

+ Bán hàng theo đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế: Hai phương thức này nhìn thì giống nhau (đều là bán theo yêu cầu khách), nhưng thực chất khác nhau về mức độ ràng buộc pháp lý, nhưng tại Công ty TNHH Snap Kitchen, quy trình xử lý kế toán gần như là giống nhau.

❖ *Bán hàng theo đơn đặt hàng*: Là hình thức khách hàng gửi yêu cầu mua hàng (trực tiếp hoặc qua app, website, điện thoại...), công ty xác nhận và tiến hành giao hàng.

Đặc điểm tại Snap Kitchen:

- Thường là khách lẻ hoặc khách mua ngắn hạn (đặt theo ngày/tuần).
- Giá cả, số lượng đã niêm yết hoặc linh hoạt, ít đàm phán.

- Không cần ký hợp đồng (chỉ cần xác nhận đơn).
- Thanh toán nhanh: tiền mặt, chuyển khoản, ví điện tử.
- Quy trình nhanh, đơn giản.

Áp dụng đối với các đơn hàng số lượng từ nhỏ đến tương đối lớn. Hầu hết mỗi hóa đơn đều có 1 đơn đặt hàng đi kèm. Sau khi thống nhất về loại, số lượng, giá cả, công ty tiến hành xuất kho và giao hàng theo thỏa thuận.

❖ *Bán hàng theo hợp đồng kinh tế*: Đối với các khách hàng mua hàng với số lượng lớn như nhà hàng, quán ăn, bếp công nghiệp hoặc các đơn vị kinh doanh, Công ty TNHH Snap Kitchen thực hiện bán hàng theo hợp đồng.

Đặc điểm tại Snap Kitchen:

- Thường là khách doanh nghiệp, tổ chức (Công ty, ...).
- Số lượng lớn, cung cấp lâu dài, định kỳ (Định kỳ hằng năm).
- Có thỏa thuận chi tiết: Giá bán, thời gian giao hàng, chất lượng sản phẩm, điều khoản thanh toán, có thể thanh toán theo kỳ (cuối tháng, theo hóa đơn), tính pháp lý cao, ràng buộc trách nhiệm.

- Phương thức thanh toán.

+ Thanh toán ngay: Thường được áp dụng đối với các khách hàng mua lẻ, khách hàng mới hoặc cá nhân mua hàng. Hình thức thanh toán bao gồm:

- Thanh toán bằng tiền mặt tại cửa hàng.
- Thanh toán chuyển khoản ngân hàng.

Đối với các đơn hàng bán qua sàn thương mại điện tử Shopee, khách hàng thanh toán thông qua các hình thức do Shopee cung cấp như chuyển khoản, ví điện tử hoặc thanh toán khi nhận hàng (COD). Shopee đóng vai trò là đơn vị trung gian thanh toán và chuyển tiền về cho công ty sau khi trừ các khoản phí liên quan.

Hình thức thanh toán ngay giúp công ty thu hồi vốn nhanh và hạn chế rủi ro về công nợ.

+ Thanh toán chậm, theo dõi công nợ: Được áp dụng đối với các khách hàng mua hàng với số lượng lớn, khách hàng doanh nghiệp hoặc khách hàng có quan hệ mua bán thường xuyên với công ty.

Thời hạn thanh toán chậm thường từ 15 đến 30 ngày, tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc đơn đặt hàng.

Bộ phận kế toán theo dõi công nợ phải thu của khách hàng thông qua sổ chi tiết công nợ.

Định kỳ, kế toán thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ đúng hạn.

Phương thức thanh toán chậm giúp công ty duy trì mối quan hệ với khách hàng nhưng đồng thời đòi hỏi công tác quản lý công nợ chặt chẽ.

b. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng trong kế toán bán hàng.

- Chứng từ kế toán sử dụng: Hóa đơn GTGT; Phiếu xuất kho; Phiếu thu; Giấy báo có.

- Sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK 511 (Trong đó: Sổ chi tiết 5111).

- Tài khoản kế toán sử dụng:

+ TK 511 – “Doanh thu bán hàng & Cung cấp dịch vụ”;

+ TK 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa”.

c. Trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Khách hàng mua trực tiếp tại cửa hàng hoặc mua qua trực tuyến: Các nhân viên sẽ gửi danh sách báo giá hàng hóa để khách hàng lựa chọn. Khi khách hàng mua hàng, kế toán nội bộ sẽ tiến hành lập hóa đơn GTGT. Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán dịch vụ tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán 3TSOFT. Sau khi bấm lưu phần mềm tự động lên Sổ chi tiết tài khoản, Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản.

- Mua hàng theo Hợp đồng kinh tế: Thông qua đơn đặt hàng, bộ phận bán hàng sẽ liên hệ với thủ kho để kiểm tra số lượng hàng tồn kho, khi đã đủ hàng bộ phận bán hàng sẽ liên hệ khách hàng và tiến hành lập Hợp đồng kinh tế.

Hợp đồng kinh tế sẽ được kế toán nội bộ lập thành 2 bản: Bản lưu tại phòng kế toán và bản còn lại sẽ được gửi tới khách hàng. Dựa vào biên bản Hợp đồng kinh tế kế toán nội bộ viết phiếu xuất kho hàng hóa và trình lên ban giám đốc xét duyệt, sau đó chuyển cho thủ kho để xuất hàng hóa cho khách hàng.

Khi xuất kho, thủ kho kiểm tra số lượng, mã hàng đúng với quy định trong phiếu xuất. Sau khi giao thành công và khách hàng đã ký xác nhận và biên bản giao nhận hàng thì kế toán bán hàng sẽ tiến hành xuất hóa đơn GTGT.

Kế toán dịch vụ căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho để làm căn cứ ghi vào sổ kế toán và các chứng từ kế toán khác để hạch toán nghiệp vụ vào phần mềm 3TSOFT, từ đó phần mềm tự động cập nhật vào sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111 và sổ nhật ký chung. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số lượng trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 1 (Theo phương thức: Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng/kho):

Nghiệp vụ thực tế phát sinh vào ngày 1/11/2025: Xuất hàng bán cho khách hàng tổ chức mua hàng trực tiếp có tên “CÔNG TY CỔ PHẦN AMERICANO COFFEE” theo Hóa đơn số 00000139 đã ký vào ngày 1/11/2025, trị giá 2.690.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%), khách hàng đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Sau khi đơn bán hàng được xác nhận và thống nhất với khách hàng về loại, số lượng hàng hóa và phương thức thanh toán, kế toán tiến hành lập và in phiếu xuất kho. Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất hàng chính xác và ký xác nhận sau khi hoàn tất việc xuất kho.

Phiếu xuất kho số 810 cho Hóa đơn 00000139 ngày 1/11/2025 (Phụ lục trang)

Căn cứ vào số lượng hàng hóa thực tế đã xuất kho và được giao cho khách hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT được lập nhằm ghi nhận doanh thu bán hàng và là căn cứ pháp lý trong giao dịch mua bán giữa Công ty và khách hàng. Hóa đơn được lập không phân biệt việc đã thu tiền hay chưa thu tiền.



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
 Ngày 01 tháng 11 năm 2025
 Mã CQT: 00B1F7AAECAC47409584A046D1CF6C945D

Ký hiệu: IC25TYV
 Số: 00000139

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN**
 Mã số thuế : **0401989990**
 Địa chỉ : 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 Điện thoại : 0932.459.954
 Email : ketoansnapkitchen@gmail.com

Họ tên người mua hàng: _____ Căn cước công dân: _____
 Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN AMERICANO COFFEE**
 Mã số thuế: 0316223690
 Địa chỉ: Số 10 đường Hồng Đức, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 Hình thức thanh toán: **TM/CK** Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy trộn bột Snapbee QUEEN SM5	Máy	1,00	2.490.740,74	2.490.741
 theo bạn vào bếp					
Cộng tiền hàng:					2.490.741
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 199.259
Tổng tiền thanh toán:					2.690.000

Số tiền viết bằng chữ: **Hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.**

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN**
 Ký ngày: 01/11/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: 6XHNH72M5AGR
 Truy cập tại Website: <https://www.metravice.vn/tra-cuu/>

Phải hình ảnh với phần mềm Metravice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 011243130

Hình 2.3. Hóa đơn GTGT số 00000139 ngày 1/11/2025.

Căn cứ vào Hóa đơn số 00000139 và vì nghiệp vụ này khách hàng cá nhân trả tiền ngay bằng tiền mặt nên kế toán hạch toán vào phần mềm kế toán 3TSOFT như sau:

Bước 1: Vào phần hành “Kế toán vật tư, hàng hóa”.

Bước 2: Chọn nghiệp vụ “Hóa đơn bán hàng”.

(Như hình bên dưới)



Hình 2.4. Giao diện ban đầu của phần mềm kế toán 3TSOFT.

Sau khi chọn nghiệp vụ “Hóa đơn bán hàng” giao diện sẽ hiện như bên dưới, kế toán tiến hành nhập dữ liệu đầy đủ đối tượng, định khoản, diễn giải và số tiền

Hóa đơn bán hàng

Ngày chứng từ: 31/11/2025

Khoá: Số tài khoản: ADMIN

Số: 010

Tên: VND

Đến từ: AMERICANO CÔNG TY CỔ PHẦN AMERICANO COFFEE

Địa chỉ: Số 18 đường Hồng Đức, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Đến từ (VN): Bán hàng theo HĐ 00000139

Mã nhập xuất: 111B

Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt

	Mã	Tên	Đơn vị	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	MAYMOBOT	Máy nhồi bột hiệu Snaptee, model QUEEN SMS, Điện	Máy	HH	1,00	2.490.741,00	2.490.741,00

Tiền mặt: 2.490.741,00

Tiền hàng: 2.490.741,00

Thuế GTGT (%) C 8,00 Gộp có thuế K

Thuế GTGT: 199.259,00

Thuế GTGT: 199.259,00

Ngày hoá đơn: 31/11/2025

Số hoá đơn: 00000139

Kỳ hiệu hoá đơn: 1C25TY

Tổng tiền: 2.690.000,00

HN - Kho hàng hóa (MAYMOBOT - Máy nhồi bột hiệu Snaptee, model QUEEN SMS, Điện áp 220-240V/50Hz, SL 6 Tấn kho: 77,0) Sửa giá trị VND

Hình 2.5. Giao diện hạch toán Hóa đơn bán hàng số 00000139.

Hình 2.6. Giao diện hạch toán phiếu thu tiền mặt theo Hóa đơn số 00000139.

Kế toán tiến hành in thêm phiếu thu tương ứng để hoàn thành bộ chứng từ của nghiệp vụ bán hàng thu bằng tiền mặt:

Hình 2.7. Phiếu thu tiền mặt theo Hóa đơn 00000139 ngày 1/11/2025.

Sau khi thực hiện việc nhập xong dữ liệu, thông tin sẽ tự động chạy qua các sổ như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK511 (Sổ chi tiết TK5111) và các mục trên báo cáo tài chính.

Nghiệp vụ 2 (Theo phương thức: Bán hàng theo hợp đồng kinh tế):

Nghiệp vụ thực tế phát sinh vào ngày 16/01/2025: Xuất hàng bán cho khách hàng tổ chức mua hàng theo Hợp đồng số 01/2025/HĐKT/SNAPKITCHEN-ICD ký ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và Công ty TNHH Snap Kitchen theo Hóa đơn số 15 đã ký vào ngày 16/01/2025, trị giá 50.135.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Kế toán nội bộ gửi bảng báo giá cho khách hàng, nêu rõ giá, số lượng, điều kiện giao hàng, thanh toán... Đây là bước “chào hàng” để hai bên trao đổi và thống nhất.

Bảng báo giá sản phẩm (Phụ lục)

Khi hai bên đồng ý, sẽ ký hợp đồng mua bán. Trong hợp đồng ghi rõ quyền – nghĩa vụ, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán, điều khoản phạt... Đây là căn cứ pháp lý quan trọng nhất.

Hợp đồng mua bán (Phụ lục)

Sau khi giao hàng hoặc hoàn thành dịch vụ, hai bên lập biên bản bàn giao và nghiệm thu để xác nhận.

Biên bản giao nhận (Phụ lục)

Cuối cùng, kế toán nội bộ tiến hành xuất hóa đơn GTGT.



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 20 tháng 01 năm 2025
Mã CQT: 00EB8FAD48F46A4739B254B03F7AE1D27B

Ký hiệu: 1C25TYT
Số: 00000015

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN**
Mã số thuế : **0401989990**
Địa chỉ : 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0932.459.954
Email : ketoansnapkitchen@gmail.com

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**
Mã số thuế: 3601033213
Địa chỉ: Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu Phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Nồi, Chảo theo Hợp đồng số 01/2025/HĐKT/SNAPKITCHEN-ICD ký ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và Công ty TNHH Snap Kitchen.				
1	Nồi Hấp Đa Năng Snapbee	Cái	10,00	1.345.454,50	13.454.545
2	Nồi Chiên Không Dầu Hơi Nước SF20 PRO	Cái	3,00	5.450.000,00	16.350.000
3	Chảo Karlin	Cái	10,00	900.000,00	9.000.000
4	Nồi Karlin	Cái	10,00	677.272,73	6.772.727
Cộng tiền hàng:					45.577.272
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 4.557.728
Tổng tiền thanh toán:					50.135.000

Số tiền viết bằng chữ: **Năm mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn.**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN**
Ký ngày: 20/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: MNHAI57MD219
Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Hình 2.8. Hóa đơn GTGT số 15 ngày 20/01/2025.

Nghiệp vụ 3 (Theo phương thức: Bán hàng theo đơn đặt hàng): Nghiệp vụ thực tế phát sinh vào ngày 12/08/2025: Xuất hàng bán cho khách hàng tổ chức mua hàng theo Đơn đặt hàng số 98 ký ngày 12/08/2025 giữa khách hàng có tên

“NGUYỄN THỊ BÌNH” và Công ty TNHH Snap Kitchen theo Hóa đơn số 98 đã ký vào ngày 12/08/2025, trị giá 15.780.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%).

Kế toán nội bộ gửi bảng báo giá cho khách hàng, nêu rõ giá, số lượng, điều kiện giao hàng, thanh toán... Đây là bước “chào hàng” để hai bên trao đổi và thống nhất.

Bảng báo giá (Phụ lục)

Kế toán nội bộ tiến hành lập đơn đặt hàng để 2 bên cùng ký để xác nhận.

Đơn đặt hàng (Phụ lục)

Sau khi giao hàng, hai bên lập biên bản bàn giao và nghiệm thu để xác nhận.

Biên bản giao nhận (Phụ lục)

Kế toán nội bộ tiến hành xuất hóa đơn GTGT.

snap KITCHEN		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) Ngày 12 tháng 8 năm 2025 Mã CQT: 0049BE1385D36642CD9F207741EBDD62AB		Ký hiệu: 1C25TY Số: 00000098	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN					
Mã số thuế: 0401989990					
Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.					
Điện thoại: 0932.459.954					
Email: kotoansnapkitchen@gmail.com					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Bình Căn cước công dân: 049138007382					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Khối phố Ngọc Liên, Phường An Thọ, Thành phố Đà Nẵng					
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy Xay Thịt Snapbee BL200	Máy	9,00	462.962,96	4.166.667
2	Chảo Karlin G20 PRO	Cái	9,00	740.740,74	6.666.667
3	Nồi Hấp Đà Nẵng Snapbee	Máy	3,00	1.259.259,26	3.777.778
					Cộng tiền hàng: 14.611.112
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 1.168.888
					Tổng tiền thanh toán: 15.780.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		
			Ký tên: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN		
			Ký ngày: 12/08/2025		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)					
Mã tra cứu hóa đơn: XHTGT_FRC02P					
Truy cập tại Website: https://www.snapkitchen.vn/tra-cuu					

Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 98.

Kế toán nội bộ tiếp tục in phiếu thu để hoàn thành bộ chứng từ.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Mẫu số: 01-TT (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)
PHIẾU THU Ngày 12 tháng 08 năm 2025		Quyển số: 01 Số: PT001 Nợ: 1111: 15.780.000 Có: 5111: 14.611.112 33311: 1.168.888
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Bình Địa chỉ: Khối phố Ngọc Liên, Phường An Thưởng, Thành phố Đà Nẵng Lý do nộp: Bán hàng theo hóa đơn 00000098 Số tiền: 15.780.000 (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn. Kèm theo: 04 Chứng từ gốc: 00000098		
Giám đốc (Họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)
		
Thủ quỹ (ký, họ tên)		
Người nhận tiền: Nguyễn Hoàng Hạnh Vân Đã nhận đủ số tiền: (Bằng chữ): Tỷ giá ngoại tệ: (vàng, bạc, đá quý): Số tiền quy đổi:		

Hình 2.10. Phiếu thu số 1.

Sau khi thực hiện việc nhập xong dữ liệu, thông tin sẽ tự động chạy qua các sổ như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK511 (Sổ chi tiết TK5111) và các mục trên báo cáo tài chính.

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

a. Nội dung kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khi có biên bản của khách hàng về có yêu cầu trả lại hàng bán vì hàng hóa Công ty giao không đúng theo yêu cầu. Kế toán hạch toán làm giảm giá vốn và tăng tài khoản hàng hóa. Đồng thời phản ánh doanh thu và thuế của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511, ghi giảm Thuế phải nộp Nhà nước vào TK 33311.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT; Biên bản trả lại hàng.
- Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 511.

c. Tài khoản sử dụng.

TK511 – “Doanh thu bán hàng & Cung cấp dịch vụ”.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 4: Ngày 13/12/2025, khách hàng có tên “Lê Minh Anh” trả lại hàng theo Hóa đơn số 00000536 đã ký vào ngày 13/12/2025, trị giá 1.990.000 (đã bao gồm thuế VAT 8%), lý do sai mặt hàng yêu cầu, đây là Hóa đơn điều chỉnh cho Hóa đơn số 00000224, mẫu số 1, ký hiệu C25MYY, ngày 11/12/2025 với ghi chú: “Khách hàng trả lại hàng”.

snap
KITCHEN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 13 tháng 12 năm 2025
Mã CQT: M1-25-PFGYJ-0000000536

Ký hiệu: C25MYY
Số: 00000536

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Mã số thuế: 0401939990
Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại: 0932.439.954

Tên người mua: Lê Minh Anh
Mã số thuế:
Địa chỉ: Tòa nhà Discovery, Số 302, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Họ và tên người mua hàng:
Điện thoại:
Cần cước công dân:

Hình thức thanh toán: TMCK
Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số 1, ký hiệu C25MYY, số 00000224, ngày 11 tháng 12 năm 2025: Khách hàng trả lại hàng.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cháo Karlin G26 PRO	Cái	-1,00	1.842.592,59	-1.842.593
Cộng tiền hàng:					-1.842.593
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:					-147.407
Tổng tiền thanh toán:					-1.990.000

Số tiền viết bằng chữ: Điều chỉnh giảm một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Chữ ký rõ (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Tru cứu tại Website: <https://www.misa.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: ALHRF8REID65D
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Phát hành bởi phần mềm MISA mInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.11. Hóa đơn GTGT số 00000536 điều chỉnh cho Hóa đơn 00000224.

Phiếu xuất kho số 00000536 (Phụ lục)

Dưới đây là Nhật kí chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 5111:

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
20/01/2025	20/01/2025	692	Bán hàng theo HĐ 00000015			
			Phải thu của khách hàng	131	50,135,000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		45,577,272
			Thuế GTGT đầu ra	33311		4,557,728
			Giá vốn của hàng hóa	6321	17,409,657	
			Hàng hoá	156		17,409,657
...						
12/08/2025	12/08/2025	772	Bán hàng theo HĐ 00000098			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	5,576,657	
			Hàng hoá	156		5,576,657
...						
01/11/2025	01/11/2025	741	Bán hàng theo HĐ 00000139			
			Tiền mặt	1111	2,690,000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		2,490,741
			Thuế GTGT đầu ra	33311		199,259
01/11/2025	01/11/2025	810	Bán hàng theo HĐ 00000139			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	551,615	
			Hàng hoá	156		551,615
...						
11/12/2025	11/12/2025	224	Bán hàng theo HĐ 224			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	272,971	
			Hàng hoá	156		272,971
...						
13/12/2025	13/12/2025	1406	Bán hàng theo HĐ 536			
			Tiền mặt	1111	-1,990,000	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		-147,407
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		-1,842,593
...						
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.13. Trích Sổ Nhật kí chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Tài khoản: 511 - "Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ"						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...						
20/01/2025	20/01/2025	626	Bán hàng theo HĐ 00000013	1111		2,400,000
20/01/2025	20/01/2025	692	Bán hàng theo HĐ 00000015	131		45,577,272
21/01/2025	21/01/2025	628	Bán hàng theo HĐ 00000016	1111		2,400,000
...						
12/08/2025	12/08/2025	704	Bán hàng theo HĐ 00000098	1111		14,611,112
...						
30/10/2025	30/10/2025	809	Bán hàng theo HĐ 00000138	131		5,550,926
01/11/2025	01/11/2025	741	Bán hàng theo HĐ 00000139	1111		2,490,741
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	131		9,722,222
05/11/2025	05/11/2025	884	Bán hàng theo HĐ 15	1111		5,550,926
...						
10/12/2025	10/12/2025	2022	Bán hàng theo HĐ 223	1111		1,935,185
11/12/2025	11/12/2025	1091	Bán hàng theo HĐ 224 (Đã bị điều chỉnh)	1111		1,842,593
11/12/2025	11/12/2025	1092	Bán hàng theo HĐ 225	1111		2,953,704
...						
13/12/2025	13/12/2025	1406	Bán hàng theo HĐ 536 (Đã điều chỉnh cho HĐ 224 ngày 11/12/2025)	1111		-1,842,593
...						
			Cộng phát sinh trong kỳ		5,604,233,526	5,604,233,526
			Số dư cuối kỳ			

Hình 2.14. Trích Sổ cái TK 511 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Tài khoản: 5111 - "Doanh thu bán hàng hóa"								
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
20/01/2025	20/01/2025	692	Bán hàng theo HĐ 00000015	131		45,577,272		79,959,091
21/01/2025	21/01/2025	628	Bán hàng theo HĐ 00000016	1111		2,400,000		82,359,091
...								
12/08/2025	12/08/2025	704	Bán hàng theo HĐ 00000098	1111		14,611,112		1,310,206,529
...								
30/10/2025	30/10/2025	739	Bán hàng theo HĐ 00000137	1111		2,490,741		2,053,521,351
01/11/2025	01/11/2025	741	Bán hàng theo HĐ 00000139	1111		2,490,741		2,061,563,018
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	131		9,722,222		2,071,285,240
...								
11/12/2025	11/12/2025	1091	Bán hàng theo HĐ 224	1111		1,842,593		2,672,638,318
...								
13/12/2025	13/12/2025	1405	Bán hàng theo HĐ 535	1111		1,101,852		3,353,842,050
13/12/2025	13/12/2025	1406	Bán hàng theo HĐ 536	1111		-1,842,593		3,351,999,457
...								
			Cộng phát sinh trong kỳ		5,604,233,526	5,604,233,526		
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.15. Trích Sổ cái TK 5111 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

a. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Snap Kitchen chủ yếu thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

- Vào mỗi tháng, đến ngày đáo hạn ngân hàng căn cứ vào số tiền gửi và lãi suất của công ty để chuyển khoản tiền lãi và gửi Giấy báo có, Sổ phụ ngân hàng cho công ty hoặc bản sao kê tài khoản ngân hàng.

- Căn cứ vào Giấy báo có lãi tiền gửi, Sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán 3TSOFT.

- Sau khi nhập liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhập số liệu lên các Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản TK 5154, Sổ cái tài khoản 515.

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo có sao kê tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, Sổ chi tiết TK 5154 và các sổ liên quan.

c. Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

- Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính công ty sử dụng TK 5154 – “Doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 5: Ngày 31/12/2025, Công ty nhận được giấy Báo có trả lãi tiền gửi của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TECHCOMBANK), số tiền lãi công ty nhận được là 20.997 đồng.

Phần mềm căn cứ giấy Báo có để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ những số liệu ghi ở Sổ Nhật ký chung, phần mềm ghi vào sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 5154 và các sổ BCTC khác có liên quan.

Các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính trong năm sẽ tương tự như các nghiệp vụ trên. Cuối năm, kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Sao kê ngân hàng tháng 12/2025 (Phụ lục)

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Số: 452

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: TECHCOMBANK

Ông bà: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025

	P	S	Tài khoản	Tiền	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N	1121_TCB9...	VND	20.997,00	1	20.997			Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025
2	C	5154	VND	20.997,00	1	20.997			Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 20.997,00 20.997

Phát sinh có: 20.997,00 20.997

1121_TCB9999 - Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam 22229999 | Dư nợ: 716.991.608

Hình 2.16. Màn hình nhập liệu doanh thu từ hoạt động tài chính.

Dưới đây là Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 515 và Sổ chi tiết TK 5154 – “Doanh thu từ lãi tiền gửi”.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
31/12/2025	31/12/2025	452	Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025			
			Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam 22229999	1121_TCB9999	20,997	

			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		20,997
...						
31/12/2025	31/12/2025	928	Chi trả tiền mượn hoạt động			
			Phải trả, phải nộp khác	3388	1,697,000,000	
			Tiền mặt	1111		1,697,000,000
...						
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.17. Trích Sổ Nhật kí chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>						
<i>Tài khoản: 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính"</i>						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01/2025	25/01/2025	381	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		8,129
28/02/2025	28/02/2025	387	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		12,509
31/03/2025	31/03/2025	388	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		28,913
29/04/2025	29/04/2025	396	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		27,464
31/05/2025	31/05/2025	404	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		24,990
30/06/2025	30/06/2025	405	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		8,512
01/08/2025	01/08/2025	415	Thu lãi tiền gửi tháng 7/2025	1121_TCB9999		18,877
31/08/2025	31/08/2025	423	Thu lãi tiền gửi tháng 8/2025	1121_TCB9999		13,078
01/10/2025	01/10/2025	430	Thu lãi tiền gửi tháng 8/2025	1121_TCB9999		18,169
30/11/2025	30/11/2025	491	Thu lãi tiền gửi tháng 11/2025	1121_TCB9999		8,665
31/12/2025	31/12/2025	452	Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025	1121_TCB9999		20,997
31/12/2025	31/12/2025	010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	190,303	
			Cộng phát sinh trong kỳ		190,303	190,303
			Số dư cuối kỳ			

Hình 2.18. Trích Sổ cái TK 515 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 5154 "Doanh thu từ lãi tiền gửi".								
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
25/01/2025	25/01/2025	381	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		8,129		8,129
28/02/2025	28/02/2025	387	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		12,509		20,638
31/03/2025	31/03/2025	388	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		28,913		49,551
29/04/2025	29/04/2025	396	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		27,464		77,015
31/05/2025	31/05/2025	404	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		24,990		102,005
30/06/2025	30/06/2025	405	Thu Lãi tiền gửi	1121_TCB9999		8,512		110,517
01/08/2025	01/08/2025	415	Thu lãi tiền gửi tháng 7/2025	1121_TCB9999		18,877		129,394
31/08/2025	31/08/2025	423	Thu lãi tiền gửi tháng 8/2025	1121_TCB9999		13,078		142,472
01/10/2025	01/10/2025	430	Thu lãi tiền gửi tháng 8/2025	1121_TCB9999		18,169		160,641
30/11/2025	30/11/2025	491	Thu lãi tiền gửi tháng 11/2025	1121_TCB9999		8,665		169,306
31/12/2025	31/12/2025	452	Thu lãi tiền gửi tháng 12/2025	1121_TCB9999		20,997		190,303
31/12/2025	31/12/2025	010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	190,3 03			
			Cộng phát sinh trong kỳ		190,3 03	190,303		
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.19. Sổ chi tiết TK 5154 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.

a. Nội dung kế toán thu nhập khác.

- Khoản này chiếm một phần nhỏ. Đặc biệt, khoản thu nhập khác trong năm nay chỉ có hai bút toán: Xử lý số dư công nợ và tất toán công nợ.

- Trình tự kế toán thu nhập khác:

+ Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc có liên quan đến doanh thu khác như Giấy báo có, Phiếu thu, Phiếu kế toán,... nhập vào phần mềm, phần mềm tự động cập nhật vào Sổ cái TK 711 và Sổ nhật ký chung.

+ Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

+ Đồng thời, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán, Phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711, Sổ chi tiết các TK liên quan...

c. Tài khoản sử dụng.

TK 711 – “Thu nhập khác”.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 6: Ngày 8/3/2025, Công ty nhận được Báo có số tiền là 600.000 đồng từ người có tên “MAI VĂN SƠN”, không rõ chuyển vào với mục đích gì nên Công ty hạch toán vào TK 711 – “Thu nhập khác”.

Sao kê tài khoản ngân hàng tháng 3/2025 (Phụ lục)

Báo cáo

Ngày chứng từ: 03/2025 Khoản: Số cái: ADMIN

Số: 394 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: KL001 NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN

Ông bà: NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Thu nhập khác

	P	S	Tài khoản	Thệ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N		1121_TCB9...	VND	600.000,00	1	600.000		Thu nhập khác
2	C		711	VND	600.000,00	1	600.000		Thu nhập khác

Chi phí không hợp lệ:
Đánh thuế chưa hạch toán:
Kèm theo: chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 600.000,00 600.000
Phát sinh có: 600.000,00 600.000

0 1121_TCB9999 - Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam 22229999 | Dư nợ: 353.790.862

Hình 2.20. Màn hình hạch toán thu nhập khác.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
08/03/2025	08/03/2025	394	Thu nhập khác			
			Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam 22229999	1121_TCB9999	600,000	
			Thu nhập khác	711		600,000
08/03/2025	08/03/2025	759	Chi tiền ăn uống theo HĐ 00000109			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	4,614,504	
			Tiền mặt	1111		4,614,504
...						
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.21. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Tài khoản: 711 - "Thu nhập khác"						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
24/01/2025	24/01/2025	380	Thu nhập khác	1121_TCB9999		380,000
08/03/2025	08/03/2025	394	Thu nhập khác	1121_TCB9999		600,000
30/05/2025	30/05/2025	421	Thanh toán tiền 1000 nổi chiên	331		5,372,000
19/12/2025	19/12/2025	473	Thu tiền bán hàng	1121_TCB9999		53
31/12/2025	31/12/2025	010	Kết chuyển thu nhập khác	911	6,352,053	
			Cộng phát sinh trong kỳ		6,352,053	6,352,053
			Số dư cuối kỳ			

Hình 2.22. Trích Sổ cái TK 711 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Nội dung kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Snap Kitchen bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua, vận chuyển và đưa hàng về trạng thái sẵn sàng bán. Đây là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận gộp của công ty.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, việc nhập xuất được ghi nhận hàng ngày khi các nghiệp vụ phát sinh. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp Nhập trước xuất trước.

Để tính được giá vốn theo phương pháp Nhập trước xuất trước, trước khi tính giá vốn kế toán cần khai báo tham số hệ thống; tích vào dòng “Nhập trước xuất trước” và tích vào “Theo kho” trong phần “Phương pháp tính giá hàng tồn kho” và bấm “Chấp nhận”.

Hình 2.23. Giao diện khai báo tham số hệ thống trên phần mềm 3TSoft.

Cuối tháng, kế toán tiến hành tính giá vốn trên phần mềm 3Tsoft (giao diện như hình bên dưới).

Hình 2.24. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm.

Cách tính giá xuất kho: Theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN														
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam														
TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN														
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025														
Vật tư			Tồn đầu			Nhập			Xuất			Tồn cuối		
Mã	Tên	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
HH	Nhóm hàng hóa		89.00		49,093,761				56.00		30,890,450	33.00		18,203,311
MAYNHOIBOT	Máy nhồi bột hiệu Snapbee, model QUEEN SM5, điện áp 220-240V/50Hz, 5L	Máy	89.00	551,615	49,093,761				56.00	551,615	30,890,450	33.00	551,615	18,203,311
	Tổng cộng		89.00		49,093,761				56.00		30,890,450	33.00		18,203,311

Hình 2.26. Bảng Tổng hợp nhập – xuất – tồn từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

Trong kỳ, doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ nhập kho, hàng hóa xuất kho được lấy hoàn toàn từ số lượng tồn đầu kỳ. Do đó, khi áp dụng phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO), toàn bộ số lượng hàng xuất kho được xác định theo đơn giá của hàng tồn đầu kỳ. Vì vậy, đơn giá xuất kho chính là đơn giá tồn kho đầu kỳ.

- Tồn đầu kỳ = 89 (sản phẩm) $\times$ 551.615 (đồng/sản phẩm) = 49.093.761 (đồng).

- Nhập trong kỳ: Không phát sinh.

- Xuất trong kỳ: 55 (sản phẩm)

→ Giá xuất = 56 (sản phẩm) $\times$ 551.615 (đồng/sản phẩm) = 30.890.450 (đồng)

→ Đơn giá xuất = 551.615 (đồng/sản phẩm)

Căn cứ vào số lượng hàng hóa thực tế đã xuất kho và được giao cho khách hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT.

Căn cứ vào Hóa đơn số 00000139, kế toán hạch toán vào phần mềm kế toán 3TSOFT.

Sau khi thực hiện việc nhập xong dữ liệu, thông tin sẽ tự động chạy qua các sổ như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK632, Sổ chi tiết TK6321 và các mục trên báo cáo tài chính.

Dưới đây là Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK632, Sổ chi tiết TK6321.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
01/11/2025	01/11/2025	741	Bán hàng theo HD 00000139			
			Tiền mặt	1111	2,690,000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		2,490,741
			Thuế GTGT đầu ra	33311		199,259
01/11/2025	01/11/2025	810	Bán hàng theo HD 00000139			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	551,615	
			Hàng hoá	156		551,615
02/11/2025	02/11/2025	876	Chi tiền cước dịch vụ theo HD 3044139			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	220,640	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	17,651	
			Tiền mặt	1111		238,291
...						
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.27. Trích Sổ Nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Tài khoản: 632 - "Giá vốn hàng bán"						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...						
30/10/2025	30/10/2025	808	Bán hàng theo HĐ 00000137	156	551,615	
30/10/2025	30/10/2025	809	Bán hàng theo HĐ 00000138	156	2,025,956	
01/11/2025	01/11/2025	810	Bán hàng theo HĐ 00000139	156	551,615	
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	156	4,335,584	
05/11/2025	05/11/2025	15	Bán hàng theo HĐ 15	156	2,025,956	
05/11/2025	05/11/2025	16	Bán hàng theo HĐ 16	156	749,719	
...						
			Cộng phát sinh trong kỳ		3,388,758,485	3,368,176,260
			Số dư cuối kỳ		20,582,225	

Hình 2.28. Trích Sổ cái TK 632 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 6321 - "Giá vốn hàng bán"								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
30/10/2025	30/10/2025	809	Bán hàng theo HĐ 00000138	156	2,025,956		1,322,047,215	
01/11/2025	01/11/2025	810	Bán hàng theo HĐ 00000139	156	551,615		1,322,598,830	
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	156	4,335,584		1,326,934,414	
05/11/2025	05/11/2025	15	Bán hàng theo HĐ	156	2,025,956		1,328,960,370	

			15					
...								
			Cộng phát sinh trong kỳ		3,388,758,485	3,368,176,260		
			Số dư cuối kỳ				20,582,225	

Hình 2.29. Trích Sổ chi tiết TK 6321 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty bao gồm hai loại chi phí: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Chi phí bán hàng.

- Chi phí bán hàng tại Công ty Snap Kitchen chủ yếu là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ, bao gồm:

- + Chi phí lương và phụ cấp nhân viên bán hàng.
- + Chi phí quảng cáo, marketing (Facebook, sàn TMĐT...).
- + Chi phí sàn thương mại điện tử Shopee.

➤ **Đặc điểm:** Phát sinh gắn trực tiếp với doanh thu bán hàng.

- Chứng từ và sổ sách sử dụng:

+ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn liên quan; Bảng phân bổ khấu hao; Bảng lương,...; Phiếu chi; Ủy nhiệm chi; Giấy báo nợ,...

+ Sổ sách sử dụng: Sổ NKC; Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6421 và các Sổ cái liên quan,...

- Tài khoản sử dụng.

+ TK 6421 – “Chi phí bán hàng”.

+ Các TK liên quan khác như TK 111, 112, 331, 334, 338, 242,...

- Minh họa nghiệp vụ:

Nghiệp vụ 8: Ngày 22/12/2025, Công ty thanh toán cước phí sàn thương mại điện tử cho “CÔNG TY TNHH SHOPEE” với số tiền 891.645 (đã bao gồm thuế VAT 8%) theo HĐ GTGT số 5155962. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TAC
Số: 5155962

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY TNHH SHOPEE
Mã số thuế: 0106773786
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: Tầng 4-5-6, Tòa nhà Capital Place, số 29 đường Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 02873082221
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Họ tên người mua hàng: snapkitchen.vn
Mã số thuế: 0401989990
Mã ĐVCCQHVSNN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK/CTCN
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
-----	-----------	-------------------------	-----------------------	-------------	----------	---------	------------	-----------	------------------------------

1	Hàng hóa, dịch vụ	Phí dịch vụ thương mại điện tử AMS tháng 11/2025_snapkitchen.vn (AMS Commission Fees 11/2025_snapkitchen.vn)	1	825.597	8%	825.597
---	-------------------	--	---	---------	----	---------

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	825.597	66.048

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	825.597
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	66.048
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	891.645
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Tám trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH SHOPEE

Ký ngày: 2025-12-22 18:47:10

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.30. Hóa đơn GTGT số 5155962.

Kế toán tiến hành in thêm chứng từ tương ứng để hoàn thành bộ chứng từ của nghiệp vụ:

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Mẫu số: 02-TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)	
PHIẾU CHI Ngày 22 tháng 12 năm 2025			
Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH SHOPEE		Quyển số: Số: 901	
Địa chỉ: Tầng 4-5-6, Tòa nhà Capital Place, số 29 đường Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội		Nợ 6421: 825,597 1331: 66,048 Có 1111: 891,645	
Lý do chi: Chi tiền phí sàn shopee theo HĐ 5155962			
Số tiền: 891,645		Viết bằng chữ: Tám trăm chín mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi lăm đồng.	
Kèm theo: _____		Chứng từ gốc: _____	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
			Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày _____ tháng _____ năm _____			
Nguyễn Hoàng Hạnh Văn		CÔNG TY TNHH SHOPEE	
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): _____			
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): _____			
+ Số tiền quy đổi: _____			

Hình 2.31. Phiếu chi theo Hóa đơn GTGT số 5155962.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và Phiếu chi để ghi vào Sổ nhật ký chung. Từ những số liệu ghi ở Sổ nhật ký chung, số liệu sẽ tự ghi vào Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6421 và các sổ khác có liên quan.

Nghiệp vụ 9: Ngày 31/12/2025, kế toán hạch toán lương bộ phận bán hàng vào phần mềm. Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán làm bảng lương và hạch toán lương vào phần mềm.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN																						
114 Trưng Lương 15, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam																						
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																						
Tháng 12 năm 2025																						
Đơn vị tính: Việt Nam Đồng																						
TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương CB	Phụ cấp			Tổng phụ cấp	Ngày công thực tế	Hoa hồng Doanh số	Thưởng	Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BH	Các khoản trích tính vào CPQL				Các khoản trích trừ vào lương				Khấu trừ thuế TNCN	Thực lĩnh
				Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe							BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHNN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHNN (1%)	Cộng		
A	Bộ phận Quản lý		13,230,000	5,480,000	0	0	3,480,000	80.0	25,160,000	0	41,707,000	13,230,000	2,315,250	394,000	132,300	2,844,450	1,058,400	198,450	132,300	1,389,150	0	40,317,850
1	Nguyễn Hoàng Hạnh Vân	G.Đ	4,410,000	1,350,000			1,350,000	27.0	13,890,000		19,650,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	19,186,950
2	Nguyễn Minh Tuấn	P.GĐ	4,410,000	1,350,000			1,350,000	27.0	9,140,000		14,900,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	14,436,950
3	Hồ Thị Kim Tuyền	Kế toán	4,410,000	780,000			780,000	26.0	2,130,000		7,157,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	6,693,950
B	Bộ phận Bán hàng		48,510,000	8,790,000	0	0	8,790,000	293.0	41,650,000	0	98,297,000	48,510,000	8,489,250	1,455,300	485,100	10,429,650	3,880,300	727,650	485,100	5,093,050	0	93,203,450
4	Nguyễn Thị Mộng Thu	Thủ kho	4,410,000	810,000			810,000	27.0	4,200,000		9,420,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	8,956,950
5	Nguyễn Thị Minh Thư	NVKĐ	4,410,000	810,000			810,000	27.0	9,600,000		14,820,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	14,356,950
6	Trần Thị Loan	NVKĐ	4,410,000	810,000			810,000	27.0	9,520,000		14,740,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	14,276,950
7	Phạm Thị Ngọc Trinh	NVKĐ	4,410,000	810,000			810,000	27.0	5,240,000		10,460,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	9,996,950
8	Trần Thị Phương	Marketing	4,410,000	780,000			780,000	26.0	1,850,000		6,877,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	6,413,950
9	Trần Thị Phương	Thủ kho	4,410,000	810,000			810,000	27.0	3,050,000		8,270,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	7,806,950
10	Lê Đình Sơn	Kỹ thuật	4,410,000	900,000			900,000	30.0	1,950,000		7,750,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	7,286,950
11	Phạm Như Tinh	Kho	4,410,000	780,000			780,000	26.0	1,150,000		6,177,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	5,713,950
12	Nguyễn Văn Phú	Kho	4,410,000	810,000			810,000	27.0	2,400,000		7,620,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	7,156,950
13	Lê Nguyễn Bảo Anh	Marketing	4,410,000	720,000			720,000	24.0	1,250,000		5,890,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	5,426,950
14	Nguyễn Trần Thị Lan Trinh	Marketing	4,410,000	750,000			750,000	25.0	1,440,000		6,273,000	4,410,000	771,750	132,300	44,100	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	-	5,809,950
Tổng A + B			61,740,000	12,270,000	0	0	12,270,000	373.0	46,810,000	0	140,004,000	61,740,000	10,804,500	1,852,200	617,400	13,274,100	4,938,200	926,100	617,400	6,482,700	0	133,521,300

Bảng 2.2. Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2025.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: SỔ CÁI ADMIN

Số: 057 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: SNAP Công ty TNHH Snap Kitchen

Ông bà: Công ty TNHH Snap Kitchen Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Diễn giải (VN): Lương nhân viên tháng 12.2025

	P	S	Tài khoản	Tỷ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	6422	VND	41,707,000.00	1	41,707,000					Lương nhân viên tháng 12.2025
2	N	6421	VND	98,297,000.00	1	98,297,000					Lương nhân viên tháng 12.2025
3	C	334	VND	140,004,000.00	1	140,004,000					Lương nhân viên tháng 12.2025

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc.

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh nợ: 140,004,000.00 140,004,000
Phát sinh có: 140,004,000.00 140,004,000

6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp || Dư có: 41,707,000

Hình 2.32. Phiếu kế toán lương nhân viên tháng 12/2025.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: SỔ CÁI ADMIN

Số: 091 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: SNAP Công ty TNHH Snap Kitchen

Ông bà: Công ty TNHH Snap Kitchen Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Diễn giải (VN): Các khoản trích BHXH vào CPQL

	P	S	Tài khoản	Tỷ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	6422	VND	2,844,450.00	1	2,844,450					Các khoản trích BHXH vào CPQL
2	C	3383	VND	2,315,250.00	1	2,315,250					Các khoản trích BHXH vào CPQL
3	C	3384	VND	396,900.00	1	396,900					Các khoản trích BHXH vào CPQL
4	C	3385	VND	132,300.00	1	132,300					Các khoản trích BHXH vào CPQL

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc.

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh nợ: 2,844,450.00 2,844,450
Phát sinh có: 2,844,450.00 2,844,450

6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp || Dư có: 2,844,450

Hình 2.33. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: 092 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: SNAP Công ty TNHH Snap Kitchen

Ông bà: Công ty TNHH Snap Kitchen Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Diễn giải (VN): Các khoản trích BHXH vào CPBH

	P S	Tài khoản	Ti	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	6421	VND	10,429,650.00	1	10,429,650				Các khoản trích BHXH vào CPBH
2	C	3383	VND	8,489,250.00	1	8,489,250				Các khoản trích BHXH vào CPBH
3	C	3384	VND	1,455,300.00	1	1,455,300				Các khoản trích BHXH vào CPBH
4	C	3385	VND	485,100.00	1	485,100				Các khoản trích BHXH vào CPBH

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 10,429,650.00 10,429,650

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 10,429,650.00 10,429,650

6421 - Chi phí bán hàng || Dư có: 10,429,650

Hình 2.34. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào chi phí bán hàng.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: 093 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: SNAP Công ty TNHH Snap Kitchen

Ông bà: Công ty TNHH Snap Kitchen Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Diễn giải (VN): Các khoản trích BHXH vào lương

	P S	Tài khoản	Ti	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	334	VND	6,482,700.00	1	6,482,700				Các khoản trích BHXH vào lương
2	C	3383	VND	4,939,200.00	1	4,939,200				Các khoản trích BHXH vào lương
3	C	3384	VND	926,100.00	1	926,100				Các khoản trích BHXH vào lương
4	C	3385	VND	617,400.00	1	617,400				Các khoản trích BHXH vào lương

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 6,482,700.00 6,482,700

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 6,482,700.00 6,482,700

334 - Phải trả người lao động || Dư có: 140,064,000

Hình 2.35. Phiếu kế toán các khoản trích BHXH vào lương.

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí:
 - + Chi phí cước viễn thông.
 - + Chi phí xăng xe, vé tàu/xe.
 - + Chi phí tiếp khách.
 - + Chi tiền mua văn phòng phẩm.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Chứng từ và sổ sách sử dụng:
 - + Chứng từ sử dụng: Phiếu chi; Giấy báo nợ tài khoản ngân hàng; Hóa đơn GTGT.
 - + Sổ sách sử dụng: Sổ NKC; Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6422 và các Sổ cái liên quan,...
 - Tài khoản sử dụng:
 - + TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.
 - + Các TK liên quan khác như TK 111, 112,...
- **Đặc điểm:** Mang tính gián tiếp, không gắn trực tiếp với từng đơn hàng.
- Minh họa nghiệp vụ:

Nghiệp vụ 10: Ngày 29/12/2025, Công ty chi tiền mua xăng dầu tại CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG, tổng số tiền: 1.000.000 (bao gồm thuế VAT 8%) theo HD 1043010. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

X



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TTC
Số: 1043010

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 0400101683
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: 122 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0236 3551350
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401989990
Mã ĐVCQHVNSSN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK/Thẻ
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu Diesel 0,001S Mức 5	Lít	56,98	16.250		8%	925.926

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Quyển số:
Số: 902
Nợ 6422: 925.926
1331: 74.074
Có 1111: 1.000.000

Họ tên người nhận tiền: Công ty TM VT Petrolimex Đà Nẵng
Địa chỉ: 179 Nguyễn Văn Thoại, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, ĐN
Lý do chi: Chi tiền mua xăng dầu theo HĐ 1043010
Số tiền: 1.000.000 Viết bằng chữ: Một triệu đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hoàng Hạnh Vân

ty TM VT Petrolimex Đà

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Hình 2.38. Phiếu chi số 902.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và Phiếu chi để ghi vào sổ nhật ký chung. Từ những số liệu ghi ở sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6422 và các sổ khác có liên quan.

Dưới đây là Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết khoản 6421, Sổ chi tiết TK 6422:

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
22/12/2025	22/12/2025	901	Chi tiền phí sàn shopee theo HĐ 5155962			
			Chi phí bán hàng	6421	825,597	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	66,048	
			Tiền mặt	1111		891,645
...						
29/12/2025	29/12/2025	902	Chi tiền mua xăng dầu theo HĐ 1043010			

			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	925,926	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	74,074	
			Tiền mặt	1111		1,000,000
			...			
31/12/2025	31/12/2025	057	Lương nhân viên tháng 12.2025			
			Chi phí bán hàng	6421	98,297,000	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	41,707,000	
			Phải trả người lao động	334		140,004,000
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2,844,450	
			Bảo hiểm xã hội	3383		2,315,250
			Bảo hiểm y tế	3384		396,900
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		132,300
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH			
			Chi phí bán hàng	6421	10,429,650	
			Bảo hiểm xã hội	3383		8,489,250
			Bảo hiểm y tế	3384		1,455,300
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		485,100
31/12/2025	31/12/2025	093	Các khoản trích BHXH vào lương			
			Phải trả người lao động	334	6,482,700	
			Bảo hiểm xã hội	3383		4,939,200
			Bảo hiểm y tế	3384		926,100
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		617,400
			...			
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.39. Trích Sổ nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Tài khoản: 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp".						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...						
19/12/2025	19/12/2025	042	Mua phần mềm theo HĐ 498121	331	850,000	
22/12/2025	22/12/2025	901	Chi tiền phí sàn shopee theo HĐ 5155962	1111	825,597	
24/12/2025	24/12/2025	464	Thanh toán tiền phí theo giá trị hợp đồng số 2505NNF053	1121_TCB999	722,329	
25/12/2025	25/12/2025	033	Mua vé máy bay theo HĐ 47934	331	19,826,221	
29/12/2025	29/12/2025	902	Chi tiền mua xăng dầu theo HĐ 1043010	1111	925,926	
29/12/2025	29/12/2025	903	Chi tiền ăn uống theo HĐ 4008	1111	1,530,760	
30/12/2025	30/12/2025	900	Chi tiền in bạt theo HĐ 29701	1111	462,963	
31/12/2025	31/12/2025	057	Lương nhân viên tháng 12.2025	334	140,004,000	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3383	2,315,250	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3384	396,900	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3385	132,300	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3383	8,489,250	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3384	1,455,300	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3385	485,100	
...						
			Cộng phát sinh trong kỳ		1,818,545,700	1,818,545,700
			Số dư cuối kỳ			

Hình 2.40. Trích Sổ cái TK 642 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 6421 - "Chi phí nhân viên quản lý"								
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
03/12/2025	03/12/2025	884	Chi tiền phí sàn shopee theo HĐ 5009439	1111	3,665,173		998,696,941	
22/12/2025	22/12/2025	901	Chi tiền phí sàn shopee theo HĐ 5155962	1111	825,597		999,522,538	
25/12/2025	25/12/2025	033	Mua vé máy bay theo HĐ 47934	331	19,826,221		1,019,348,759	
31/12/2025	31/12/2025	057	Lương nhân viên tháng 12.2025	334	98,297,000		1,117,645,759	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3383	8,489,250		1,126,135,009	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3384	1,455,300		1,127,590,309	
31/12/2025	31/12/2025	092	Các khoản trích BHXH vào CPBH	3385	485,100		1,128,075,409	
			Cộng phát sinh trong kỳ		1,133,624,385	1,133,624,385		
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.41. Trích Sổ chi tiết TK 6421 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 6422 - "Chi phí vật liệu quản lý"								
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
29/12/2025	29/12/2025	902	Chi tiền mua xăng dầu theo HD 1043010	1111	925,926		616,843,398	
29/12/2025	29/12/2025	903	Chi tiền ăn uống theo HD 4008	1111	1,530,760		618,374,158	
30/12/2025	30/12/2025	900	Chi tiền in bạt theo HD 29701	1111	462,963		618,837,121	
31/12/2025	31/12/2025	057	Lương nhân viên tháng 12.2025	334	41,707,000		660,544,121	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3383	2,315,250		662,859,371	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3384	396,900		663,256,271	
31/12/2025	31/12/2025	091	Các khoản trích BHXH vào CPQL	3385	132,300		663,388,571	
			Cộng phát sinh trong kỳ		684,921,315	684,921,315		
			Số dư cuối kỳ					

Hình 2.42. Trích Sổ chi tiết TK 6422 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính.

Trong kỳ, Công ty TNHH Snap Kitchen không phát sinh chi phí tài chính. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu, không sử dụng các khoản vay tài chính hoặc các công cụ tài chính khác. Do đó, các khoản chi phí như lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hay chi phí liên quan đến đầu tư tài chính không phát sinh.

Điều này cho thấy công ty có mức độ tự chủ tài chính cao, ít phụ thuộc vào nguồn vốn vay, góp phần giảm thiểu rủi ro tài chính.

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.

a. Nội dung kế toán chi phí khác.

- Khoản này chiếm một phần nhỏ. Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ thường chủ yếu là chi phí BHXH của Giám đốc, xử lý số dư công nợ và chi tiền nộp phạt, lãi chậm nộp BHXH,...

- Trình tự kế toán thu nhập khác:

+ Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc có liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động khác như Phiếu kế toán, Phiếu chi,...nhập vào phần mềm, phần mềm tự động cập nhật vào Sổ cái TK 811 và Sổ nhật ký chung.

+ Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

+ Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, biên bản thanh lý nhượng bán (giá trị còn lại),...

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811, Sổ chi tiết các TK liên quan.

c. Tài khoản sử dụng.

TK 811 – “Chi phí khác”.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 12: Ngày 16/5/2025, Công ty nộp tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ trước, số tiền là 122 đồng. Công ty hạch toán vào TK 811.

Sao kê tài khoản ngân hàng tháng 5/2025 (Phụ lục)

Báo nợ

Ngày chứng từ: 20/05/2025 KHOA SỔ CÁI ADMIN

Số: 418 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: KBNNCAMLK Kho bạc nhà nước Quận Cẩm Lệ
Ông bà: Kho bạc nhà nước Quận Cẩm Lệ Địa chỉ:
Diễn giải (VN): Nộp tiền thuế

	P	Tài khoản	Tiền	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	M	811	VND	47.737,00	1	47.737				Nộp tiền thuế
2	C	1121_TC...	VND	47.737,00	1	47.737				Nộp tiền thuế

Chi phí không hợp lệ: 47.737 Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 47.737,00 47.737

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 47.737,00 47.737

811 - Chi phí khác | Dự nợ: 650.121

Hình 2.43. Màn hình hạch toán chi phí khác.

114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...						
20/05/2025	20/05/2025	418	Nộp tiền thuế			
			Chi phí khác	811	47,737	
			Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam 22229999	1121_ TCB9 999		47,737
...						
01/11/2025	01/11/2025	810	Bán hàng theo HĐ 00000139			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	551,615	
			Hàng hoá	156		551,615
...						
			Tổng cộng		44,239,231,010	44,239,231,010

Hình 2.44. Trích Sổ nhật ký chung từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN						
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Tài khoản: 811 - "Chi phí khác"						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/04/2025	02/04/2025	409	Thanh toán tiền cước lô nôi chiên hơi nước HĐ 0114,0113,0142	1121_TCB9999	602,262	
16/05/2025	16/05/2025	417	Nộp tiền thuế	1121_TCB9999	122	
20/05/2025	20/05/2025	418	Nộp tiền thuế	1121_TCB9999	47,737	
20/05/2025	20/05/2025	419	Nộp tiền thuế	1121_TCB9999	47,737	
31/12/2025	31/12/2025	010	Kết chuyển chi phí khác	911		697,858
			Cộng phát sinh trong kỳ		697,858	697,858
			Số dư cuối kỳ			

Hình 2.45. Trích Sổ cái TK 811 từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

a. Nội dung kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: 03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

c. Tài khoản sử dụng.

TK 821 – “Chi phí thuế TNDN”.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 13:

Năm 2025, công ty hoạt động kinh doanh có lời nên có phát sinh khoản “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
tư trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

[07] Mã số thuế: 0401989990

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	334.547.702
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	38.717.858
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	38.717.858
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	373.265.560
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	373.265.560
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	373.265.560
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	373.265.560
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	373.265.560
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	373.265.560
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	63.455.145
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	63.455.145
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	63.455.145
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	63.455.145
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	27.699.273
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		27.699.273
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	7.699.273
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	20.000.000
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

2/3

Hình 2.46. Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

[03] Mã số thuế: 0401989990

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.604.233.526	4.362.726.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		363.155.220	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		5.241.078.306	4.362.726.142
4. Giá vốn hàng bán	11		3.093.829.402	2.430.887.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.147.248.904	1.931.838.793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		190.303	27.186
7. Chi phí tài chính	22		0	7.210.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.818.545.700	1.791.841.384
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		328.893.507	132.813.795
10. Thu nhập khác	31		6.352.053	10.166.644
11. Chi phí khác	32		697.858	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.654.195	10.166.644
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		334.547.702	142.980.439
14. Chi phí thuế TNDN	51		63.455.145	32.300.727
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		271.092.557	110.679.712

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 03 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Ngày ký: 16/03/2026 09:38:41.

Hình 2.47. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

a. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7,8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty và Báo cáo kết quả kinh doanh.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán 3Tsoft, các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm.

- Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ cái tài khoản 911. Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:

Trên giao diện phần mềm kế toán chọn vào: “Bút toán khóa sổ”.



Hình 2.48. Giao diện phần mềm kế toán “Bút toán khóa sổ”.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kết chuyển.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết các tài khoản doanh thu và chi phí.

c. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

d. Minh họa nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 13: Kết chuyển doanh thu, chi phí tháng 12 vào tài khoản Xác định kết quả kinh doanh.

Đến ngày 31/12/2023, kế toán thực hiện kết chuyển tự động các khoản mục doanh thu và chi phí trên phần mềm 3TSOFT.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2023

Khóa: Sổ cái: ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận: Hợp đồng: Đối tượng: Ông bà: Địa chỉ: Diễn giải (VN): Kết chuyển doanh thu

P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N	5111	5.241.078.306,00	5.241.078.306		Kết chuyển doanh thu
2	C	911	5.241.078.306,00	5.241.078.306		Kết chuyển doanh thu

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 5.241.078.306,00 5.241.078.306 Phát sinh có: 5.241.078.306,00 5.241.078.306

5111 - Doanh thu bán hàng hoá | Dư có: 5.241.078.306

Hình 2.49. Phiếu kết chuyển doanh thu.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoa: **Số cái** ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng:

Ông bà: Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Kết chuyển giá vốn hàng bán

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N	911		3.093.829.402,00	3.093.829.402		Kết chuyển giá vốn hàng bán
2	C	8321		3.093.829.402,00	3.093.829.402		Kết chuyển giá vốn hàng bán

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 3.093.829.402,00 3.093.829.402

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 3.093.829.402,00 3.093.829.402

911 - Xác định kết quả kinh doanh § Dư có: 3.093.829.402

Hình 2.50. Phiếu kết chuyển giá vốn hàng bán.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoa: **Số cái** ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng:

Ông bà: Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Chi phí quản lý kinh doanh

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N	911		1.133.624.385,00	1.133.624.385		Chi phí quản lý kinh doanh
2	C	6421		1.133.624.385,00	1.133.624.385		Chi phí quản lý kinh doanh
3	N	911		684.921.315,00	684.921.315		Chi phí quản lý kinh doanh
4	C	6422		684.921.315,00	684.921.315		Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 1.818.545.700,00 1.818.545.700

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 1.818.545.700,00 1.818.545.700

911 - Xác định kết quả kinh doanh § Dư có: 1.133.624.385

Hình 2.51. Phiếu kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái: ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng:

Ông bà: Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N		5154	190.303,00	190.303		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
2	C		911	190.303,00	190.303		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí không hợp lệ: Phát sinh nợ: 190.303,00 190.303

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 190.303,00 190.303

911 - Doanh thu từ lãi tiền gửi || Dư có: 190.303

Hình 2.52. Phiếu kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái: ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng:

Ông bà: Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Kết chuyển chi phí khác

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
1	N		911	697.858,00	697.858		Kết chuyển chi phí khác
2	C		811	697.858,00	697.858		Kết chuyển chi phí khác

Chi phí không hợp lệ: Phát sinh nợ: 697.858,00 697.858

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 697.858,00 697.858

911 - Xác định kết quả kinh doanh || Dư có: 697.858

Hình 2.53. Phiếu kết chuyển chi phí khác.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng:
Ông bà:
Địa chỉ:
Diễn giải (VN): Kết chuyển chi phí thuế TNDN

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	911		63.455.145,00	63.455.145		Kết chuyển chi phí thuế TNDN
2	C	821		63.455.145,00	63.455.145		Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo: chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 63.455.145,00 63.455.145
Phát sinh có: 63.455.145,00 63.455.145

911 - Xác định kết quả kinh doanh § Dư có: 63.455.145

Hình 2.54. Phiếu kết chuyển chi phí thuế TNDN.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng:
Ông bà:
Địa chỉ:
Diễn giải (VN): Kết chuyển thu nhập khác

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	711		6.352.053,00	6.352.053		Kết chuyển thu nhập khác
2	C	911		6.352.053,00	6.352.053		Kết chuyển thu nhập khác

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo: chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 6.352.053,00 6.352.053
Phát sinh có: 6.352.053,00 6.352.053

711 - Thu nhập khác § Dư có: 6.352.053

Hình 2.55. Phiếu kết chuyển thu nhập khác.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá: SỔ cái ADMIN

Số: 010 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng:

Ông bà: Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Kết chuyển lãi, lỗ

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		911	271.092.557,00	271.092.557		Kết chuyển lãi, lỗ
2	C		4212	271.092.557,00	271.092.557		Kết chuyển lãi, lỗ

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 271.092.557,00 271.092.557

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 271.092.557,00 271.092.557

911 - Xác định kết quả kinh doanh | Dư có: 271.092.557

Hình 2.56. Phiếu kết chuyển lãi, lỗ.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN.

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Snap Kitchen.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Snap Kitchen, có thể nhận thấy bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các chứng từ kế toán được lập, kiểm tra và lưu trữ tương đối đầy đủ theo quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu và cung cấp thông tin cho nhà quản lý. Bên cạnh đó, công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công, nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu và độ chính xác của thông tin kế toán.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, bộ máy kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định. Số lượng nhân sự kế toán còn tương đối ít so với khối lượng công việc thực tế, đặc biệt vào thời điểm cuối kỳ hoặc cuối năm tài chính. Điều này dẫn đến áp lực công việc lớn, làm tăng nguy cơ xảy ra sai sót trong quá trình nhập liệu và xử lý chứng từ.

Ngoài ra, công ty chưa thực hiện việc khóa sổ kế toán kịp thời trước khi bàn giao dữ liệu cho nhân viên hỗ trợ hoặc thực tập sinh nhập liệu, dẫn đến một số nghiệp vụ được ghi nhận sai thời điểm, ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu kế toán.

Nhìn chung, bộ máy kế toán của Công ty TNHH Snap Kitchen được tổ chức tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, công ty cần tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự kế toán, tăng cường kiểm tra và kiểm soát số liệu nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả quản lý tài chính.

3.1.2. Nhận xét về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

3.1.2.1. Nhận xét về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ **Nhận xét:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty được ghi nhận tương đối kịp thời khi phát sinh nghiệp vụ. Các chứng từ như hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, giấy báo có ngân hàng được lưu trữ đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu và kiểm tra. Kế toán theo dõi doanh thu trên phần mềm kế toán giúp việc tổng hợp số liệu nhanh chóng và chính xác.

3.1.2.2. Nhận xét về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ Nhận xét:

Các trường hợp phát sinh giảm trừ doanh thu đều được kế toán theo dõi và xử lý nhằm phản ánh doanh thu thuần của doanh nghiệp. Hồ sơ liên quan đến việc điều chỉnh doanh thu được lưu trữ để phục vụ công tác kiểm tra và đối chiếu.

3.1.2.3. Nhận xét về kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ Nhận xét:

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng và được kế toán ghi nhận dựa trên chứng từ do ngân hàng cung cấp. Các khoản doanh thu tài chính được phản ánh tương đối đầy đủ và đúng kỳ kế toán.

3.1.2.4. Nhận xét về kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ Nhận xét:

Các khoản thu nhập khác phát sinh tại công ty được kế toán theo dõi và hạch toán trên tài khoản phù hợp theo chế độ kế toán hiện hành.

❖ Tồn tại:

Trong một số trường hợp, khách hàng hoặc người chuyển tiền vào tài khoản công ty không ghi rõ nội dung thanh toán. Kế toán thường tạm thời hạch toán vào thu nhập khác, dẫn đến nguy cơ ghi nhận sai bản chất doanh thu hoặc công nợ khách hàng. Điều này có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của doanh thu được ghi nhận trong kỳ.

Mình chứng trực tiếp từ **Nghiệp vụ 6**: Ngày 8/3/2025, Công ty nhận được Báo có số tiền là 600.000 đồng từ người có tên “MAI VĂN SƠN”, không rõ chuyển vào với mục đích gì nên Công ty hạch toán vào TK 711 – “Thu nhập khác” trong mục

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty Snap Kitchen ở trang số 62.

3.1.3. Nhận xét về kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

3.1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ **Nhận xét:**

Giá vốn hàng bán được kế toán tập hợp và phản ánh tương đối đầy đủ dựa trên số lượng hàng hóa xuất bán trong kỳ. Việc theo dõi giá vốn giúp doanh nghiệp xác định được hiệu quả kinh doanh và kiểm soát chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng.

❖ **Tồn tại:**

- Khi phát sinh hàng bán bị trả lại, kế toán chưa thực hiện ghi nhận đầy đủ các bút toán điều chỉnh liên quan đến giá vốn hàng bán mà thường ghi giảm trực tiếp doanh thu. Điều này làm giảm khả năng theo dõi và đánh giá riêng các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ.

Mình chứng thực tiếp từ **Nghiệp vụ 4**: Ngày 13/12/2025, khách hàng có tên “Lê Minh Anh” trả lại hàng theo Hóa đơn số 00000536 đã ký vào ngày 13/12/2025, trị giá 1.990.000 (đã bao gồm thuế VAT 8%), lý do sai mặt hàng yêu cầu, đây là Hóa đơn điều chỉnh cho Hóa đơn số 00000224, mẫu số 1, ký hiệu C25MY, ngày 11/12/2025 với ghi chú: “Khách hàng trả lại hàng” trong mục **2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ tại Công ty Snap Kitchen** ở trang số 53.

- Ngoài ra, việc khóa sổ chưa kịp thời dẫn đến một số nghiệp vụ được nhập sai tại năm 2026 khi chưa khóa sổ năm 2025, làm cho tài khoản 632 sai số phát sinh bên Nợ, Có và tồn tại số dư cuối kỳ, tuy không ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả kinh doanh năm 2025 nhưng ảnh hưởng đến việc nhập liệu và rà soát của năm 2026.

Mình chứng Sổ chi tiết TK 6321 vẫn còn tồn tại số dư cuối kỳ:

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 6321 - "Giá vốn hàng bán"								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
30/10/2025	30/10/2025	809	Bán hàng theo HĐ 00000138	156	2,025,956		1,322,047,215	
...								
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	156	4,335,584		1,326,934,414	
05/11/2025	05/11/2025	15	Bán hàng theo HĐ	156	2,025,956		1,328,960,370	

			15					
...								
			Cộng phát sinh trong kỳ		3,388,758,485	3,368,176,260		
			Số dư cuối kỳ				20,582,225	

Sổ chi tiết TK 6321 đúng sẽ là:

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN								
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 6321 - "Giá vốn hàng bán"								
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...								
30/10/2025	30/10/2025	809	Bán hàng theo HĐ 00000138	156	2,025,956		1,322,047,215	
...								
04/11/2025	04/11/2025	811	Bán hàng theo HĐ 00000140	156	4,335,584		1,326,934,414	
05/11/2025	05/11/2025	15	Bán hàng theo HĐ 15	156	2,025,956		1,328,960,370	
...								
			Cộng phát sinh trong kỳ		3,093,829,402	3,093,829,402		
			Số dư cuối kỳ					

3.1.3.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

Trong kỳ, Công ty TNHH Snap Kitchen không phát sinh chi phí tài chính.

3.1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ Nhận xét:

Các khoản chi phí quản lý kinh doanh như tiền lương, chi phí văn phòng, điện nước, chi phí dịch vụ mua ngoài được tập hợp tương đối đầy đủ và phản ánh trên sổ sách kế toán. Chứng từ liên quan được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

3.1.3.3. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ **Nhận xét:**

Các khoản chi phí khác phát sinh được kế toán theo dõi riêng và ghi nhận trên tài khoản phù hợp, góp phần phản ánh đầy đủ các khoản chi phí của doanh nghiệp.

3.1.3.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ **Nhận xét:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định dựa trên kết quả kinh doanh của công ty và được phản ánh trên sổ sách kế toán theo quy định hiện hành.

❖ **Tồn tại:**

Công ty còn xảy ra tình trạng nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp, dẫn đến phát sinh tiền phạt chậm nộp. Điều này làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Minh chứng trực tiếp từ **Nghiệp vụ 12**: Ngày 16/5/2025, Công ty nộp tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ trước, số tiền là 122 đồng. Công ty hạch toán vào TK 811 ở trang số 85.

3.1.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

❖ **Nhận xét:**

Công tác xác định kết quả kinh doanh được thực hiện định kỳ dựa trên cơ sở tổng hợp doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ. Việc xác định kết quả kinh doanh giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

❖ **Tồn tại:**

Do còn tồn tại một số sai sót trong việc ghi nhận hàng bán bị trả lại, hạch toán các khoản tiền chuyển khoản không rõ nội dung nên kết quả kinh doanh trong một số thời điểm có thể chưa phản ánh đầy đủ và chính xác tình hình hoạt động thực tế của công ty.

3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

Đối với các khoản tiền nhận được qua tài khoản ngân hàng nhưng không ghi rõ nội dung thanh toán, kế toán không nên vội vàng hạch toán ngay vào tài khoản 711 –

Thu nhập khác. Thay vào đó, cần phối hợp với bộ phận kinh doanh hoặc tìm cách liên hệ trực tiếp với người chuyển tiền để xác minh mục đích thanh toán trước khi ghi nhận.

Trong trường hợp chưa xác định được bản chất của khoản tiền nhận được, công ty có thể tạm thời theo dõi trên tài khoản phải trả hoặc tài khoản trung gian phù hợp để tránh việc ghi nhận sai doanh thu hoặc thu nhập khác. Sau khi xác minh đầy đủ thông tin, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh theo đúng bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Việc thực hiện giải pháp này sẽ giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác doanh thu, công nợ và thu nhập khác, đồng thời nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán.

3.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

3.2.2.1. Hoàn thiện công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

- Khi phát sinh trường hợp khách hàng trả lại hàng hóa, kế toán cần thực hiện đầy đủ các bút toán điều chỉnh liên quan đến doanh thu, thuế giá trị gia tăng và giá vốn hàng bán theo quy định hiện hành.

Cụ thể, kế toán cần theo dõi riêng các khoản hàng bán bị trả lại để phản ánh chính xác doanh thu thuần trong kỳ, đồng thời ghi nhận nghiệp vụ nhập lại hàng hóa và điều chỉnh giá vốn tương ứng. Việc hạch toán đầy đủ sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng theo dõi nguyên nhân hàng trả lại, đánh giá chất lượng sản phẩm và hiệu quả bán hàng.

- Công ty cần thực hiện khóa sổ kế toán ngay sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu số liệu cuối kỳ nhằm hạn chế tình trạng nhập liệu bổ sung hoặc sửa đổi dữ liệu của kỳ kế toán đã kết thúc.

- Đồng thời, doanh nghiệp nên phân quyền sử dụng phần mềm kế toán rõ ràng đối với từng vị trí công việc. Đối với nhân viên mới hoặc thực tập sinh kế toán, chỉ nên cấp quyền nhập liệu ban đầu và mọi nghiệp vụ sau khi nhập cần được kế toán phụ trách kiểm tra, phê duyệt trước khi ghi sổ chính thức.

- Bên cạnh đó, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán cần thực hiện kiểm tra định kỳ các tài khoản doanh thu, chi phí và tài khoản xác định kết quả kinh doanh trước khi khóa sổ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót phát sinh. Điều này sẽ hạn chế tình trạng tài khoản 632 còn số dư cuối kỳ và nâng cao tính chính xác của số liệu kế toán.

3.2.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

Công ty cần xây dựng kế hoạch theo dõi và thực hiện nghĩa vụ thuế một cách khoa học, đặc biệt là đối với thuế thu nhập doanh nghiệp. Bộ phận kế toán cần chủ động lập lịch theo dõi các mốc thời gian kê khai, quyết toán và nộp thuế nhằm tránh tình trạng nộp chậm dẫn đến phát sinh tiền phạt.

Ngoài ra, công ty nên thường xuyên cập nhật các quy định mới về thuế để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thuế đúng quy định pháp luật. Việc nộp thuế đúng thời hạn không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu các khoản chi phí không cần thiết mà còn nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước.

3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen.

Để kết quả kinh doanh phản ánh chính xác tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp, công ty cần tăng cường công tác kiểm tra và đối chiếu giữa các khoản doanh thu, chi phí và các tài khoản liên quan trước khi thực hiện kết chuyển cuối kỳ.

Đồng thời, cần đảm bảo các nghiệp vụ hàng bán bị trả lại, các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí phát sinh được ghi nhận đúng bản chất kinh tế. Việc thực hiện đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kế toán sẽ giúp kết quả kinh doanh được xác định khách quan, cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định và xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc tổ chức tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Đây không chỉ là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh mà còn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Snap Kitchen”, khóa luận đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. Đồng thời, thông qua việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Snap Kitchen, đề tài đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán tại đơn vị, chỉ ra những ưu điểm như hệ thống chứng từ tương đối đầy đủ, quy trình ghi nhận doanh thu và chi phí cơ bản tuân thủ quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, khóa luận cũng đã nêu ra một số hạn chế nhất định trong công tác kế toán tại công ty như việc phân công công việc chưa thật sự chuyên môn hóa, công tác kiểm soát hàng tồn kho còn chưa chặt chẽ, hay việc theo dõi chi phí đôi lúc chưa được chi tiết. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Do thời gian thực hiện khóa luận tương đối ngắn và kiến thức thực tiễn còn hạn chế, bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.*
- 2. Giáo trình thuế và báo cáo thuế Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.*
- 3. Thông tư số 133/TT-BTC của Bộ Tài Chính: Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- 4. Các tài liệu trong phòng Kế toán tại Công ty TNHH Snap Kitchen:*
 - Chứng từ sổ sách.*
 - Sổ sách kế toán.*
- 5. Các bài viết, tài liệu trên Internet, các trang web:*
 - <https://ketoanthienung.net/>*
 - <https://tintucketoan.com/>*

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 5 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Nguyễn Thị Anh Thư, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI:

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:** ChatGPT; Gemini.
- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
 - Hỗ trợ tìm ý tưởng và xây dựng nội dung báo cáo.
 - Hỗ trợ diễn đạt, chỉnh sửa câu văn và trình bày nội dung.
 - Tóm tắt và tham khảo thông tin liên quan đến đề tài.
- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
 - Lời mở đầu.
 - Một số nội dung lý thuyết và diễn giải nghiệp vụ kế toán.
- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
 - ☒ **Có**

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.

- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết:

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: 28/5/2026.

❖ **Phụ lục 1:** Phiếu xuất kho số 810 cho Hóa đơn 00000139 ngày 1/11/2025.

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Nợ	6321:	551.615
Có	156:	551.615

- Nguyễn Hoàng Hanh Vân

❖ **Phụ lục 2:** Bảng báo giá sản phẩm.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
MST: 0401989990

ĐT: 0932459954

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: CÔNG TY ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH

Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý công ty báo giá nội , chào như sau:

Stt	Tên dịch vụ	ĐVT	S.L	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền	Ghi chú
1	Nồi hấp đa năng Snapbee	Cái	10	1,345,454.5	13,454,545	
2	Nồi chiên không dầu Hoir nước SF20 PRO	Cái	3	5,450,000	16,350,000	
3	Chảo Karlin	Cái	10	900,000	9,000,000	
4	Nồi Karlin	Cái	10	677,272.73	6,772,727	
	Cộng tiền hàng				45,577,272	
	Tiền thuế VAT 10%				4,557,728	
	Tổng tiền thanh toán				50,135,000	

Xác nhận của khách hàng



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hạnh Vân

❖ **Phụ lục 3: Hợp đồng mua bán.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----o0o-----

Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 01/2025/HĐKT/SNA PKITCHEN-ICD

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ ngày 16/01/2025, tại văn phòng Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình, chúng tôi gồm:

Bên mua (sau đây gọi là bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ : Số 10 Đường Phan Đăng Lưu, KP7, P.Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại : 0251.6255999

Fax: 0251.6501826

Mã số thuế : 3601033213

Tài khoản (VND) : 151.110.009.8006

Tại : Ngân hàng TM CP Quân đội - CN An Phú, Q.2, TP.HCM.

Đại diện : Ông **Phan Anh Tuấn** Chức vụ: **Giám đốc**

Bên bán (sau đây gọi là bên B): CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

Địa chỉ : 114 Trung Lương 15, P. Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Mã số thuế : 0401989990

Tài khoản (VND) : 22229999

Tại : Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

Đại diện : Bà **Nguyễn Hoàng Hạnh Vân** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất cùng ký kết Hợp đồng mua bán số: 01/2025/HĐKT/SNA PKITCHEN-ICD với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG:

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý cung cấp sản phẩm nội, chảo với số lượng và giá thành cụ thể như sau:

Stt	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
1	Nồi hấp đa năng Snapbee	Cái	10	1.345.454,5	13.454.545
2	Nồi chiên không dầu Hoi nước SF20 PRO	Cái	03	5.450.000	16.350.000
3	Chảo Karlin	Cái	10	900.000	9.000.000



Handwritten signature

4	Nồi Karlin	Cái	10	677.272,73	6.772.727
	TỔNG				45.577.272
	VAT 10%				4.557.728
	TỔNG CỘNG				50.135.000

Viết bằng chữ: Năm mươi triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn.

- Địa điểm giao hàng: Số 10 Đường Phan Đăng Lưu, KP7, P.Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

ĐIỀU 2. THỜI GIAN GIAO HÀNG

2.1. Thời gian giao hàng: trước 15 giờ chiều ngày 16/01/2025

ĐIỀU 3: CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HOÁ

Bên A bảo đảm cung ứng hàng hóa có số lượng, chất lượng như mẫu đã thỏa thuận

1. Chất lượng hàng hóa: hàng mới 100%.
2. Quy cách đóng gói: Theo tiêu chuẩn nhà máy.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ CƯỚC VẬN CHUYỂN

- 4.1. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên B chịu.
- 4.2. Chi phí bốc xếp: tại kho bên B và kho bên A do bên B chịu.
- 4.3. Khi nhận hàng, bên A có trách nhiệm kiểm tra số lượng hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng, mẫu mã thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Bên A có quyền từ chối nhận hàng.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN

5.1. Thời điểm thanh toán:

- Bên B thanh toán 100% giá trị trong hợp đồng cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ số lượng hàng, hồ sơ thanh toán và ký biên bản nghiệm thu. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm.

- + Hóa đơn tài chính.
- + Biên bản bàn giao và nghiệm thu được ký bởi 2 bên.

5.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo thông tin dưới đây:

- Số TK: 22229999
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
- Tên TK: Công ty TNHH Snap Kitchen
- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam (VND)

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- Đảm bảo cung cấp sản phẩm đúng đủ số lượng; đúng chất lượng, mẫu mã, quy cách mà hai bên đã thỏa thuận và giao hàng đúng tiến độ thời gian theo điều khoản trong hợp đồng
- Cung cấp đầy đủ thông tin hóa đơn tài chính cho Bên B theo đúng giá trị thực tế nghiệm thu bàn giao.



Handwritten signature

- Bên B chỉ cấp đầy đủ thông tin hóa đơn tài chính cho Bên B theo đúng giá trị thực tế nghiA.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền theo Hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày sau khi Bên B cung cấp đủ hàng hóa và giấy tờ hợp lệ.
- Cung cấp đủ và bố trí người nhận hàng tại địa điểm do Bên A chỉ định để việc giao nhận hàng hóa được thuận lợi, nhanh chóng.
- Kiung cấp đủ và bố trí người nhận hàng tại địa điểm do Bên A chỉ định để việc gia
- Niung cấp đủ và bố trí người nhận hàng tại địa điểm do Bên B bảo cho Bên B trong vòng 03 (ba) ngày kười nhận hàng tại địa điểm do Bên B bảo cho Bên B để việc giao nhận hàng hóa được .

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 7.1. Hợp đồng chấm dứt sau khi các bên đã thực hiện đầy đủ nội dung của Hợp đồng.
- 7.2. Nếu Bên B giao hàng chậm cho Bên A sau thời gian 15 giờ ngày 16/01/2025 thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM

- 8.1. Trường hợp Bên B giao chậm hàng sau thời gian 15 giờ ngày 16/01/2025 thì sẽ phải chịu mức phạt vi phạm hợp đồng là 5 % tổng giá trị Hợp đồng.
- 8.2. Trường hợp Bên B giao không đúng số lượng / chất lượng của hàng hóa sẽ phải chịu mức phạt 5 % tổng giá trị Hợp đồng.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ký kết trên, mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) phải được lập phụ lục hợp đồng.
- 9.2. Trong quá trình thực hiện nếu có tranh chấp phát sinh, hai bên cùng nhau thỏa thuận trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Tòa án cấp có thẩm quyền tại Đồng Nai giải quyết.
- 9.3. Hợp đồng được lập 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng .

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



PHAN ANH TUẤN

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG HẠNH VÂN



❖ **Phụ lục 4:** Biên bản giao nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU

Căn cứ Hợp đồng mua bán số: 01/2025/HĐKT/SNA PKITCHEN-ICD đã ký ngày 16 tháng 01 năm 2025

Hôm nay, vào lúc 14 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Công ty cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình,

BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, KP7, P. Long Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai

Mã số thuế : 3601033213

Đại diện : Ông Phan Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN (Bên B): CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

Địa chỉ : 114 Trung Lương 15, P.Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

Mã số thuế : 0401989990

Tài khoản (VND) : 22229999

Tại : Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

Đại diện : Bà Nguyễn Hoàng Hạnh Vân Chức vụ: Giám đốc

Sau khi xem xét, kiểm tra số lượng, quy cách hàng hóa bên B giao cho bên A. Hai bên thống nhất ký biên bản nghiệm thu và bàn giao

1 / Khối lượng bàn giao (thực hiện như sau)

Stt	Tên hàng	DVT	Số lượng	Ghi chú
1	Nồi hấp đa năng Snapbee	Cái	10	Hàng mới 100%
2	Nồi chiên không dầu Hơi nước SF20 PRO	Cái	3	Hàng mới 100%
3	Chảo Karlin	Cái	10	Hàng mới 100%
4	Nồi Karlin	Cái	10	Hàng mới 100%

2. Kết luận:

- Bên B đã giao hàng hóa cho bên A đúng, đủ số lượng như trên. Hàng hóa mới 100%. Đáp ứng đúng theo mẫu đã thống nhất của hai bên.
- Bên A đồng ý nghiệm thu và nhận bàn giao hàng hóa của bên B.
- Biên bản được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản.


PHAN ANH TUẤN


NGUYỄN HOÀNG HẠNH VÂN

❖ **Phụ lục 5:** Bảng báo giá.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng
MST: 0401989990

ĐT: 0932.459.954

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bà Nguyễn Thị Bình

Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi đến Bà báo giá máy, chào như sau:

Stt	Tên dịch vụ	ĐVT	S.L	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền	Ghi chú
1	Máy Xay Thịt Snapbee BL200	Máy	9	462.962,96	4.166.667	
2	Chảo Karlin G20 PRO	Cái	9	740.740,74	6.666.667	
3	Nồi Hấp Đa Năng Snapbee	Máy	3	1.259.259,26	3.777.778	
	Cộng tiền hàng				14.611.112	
	Tiền thuế VAT 8%				1.168.888	
	Tổng tiền thanh toán				15.780.000	

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Xác nhận của khách hàng


Nguyễn Thị Bình

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2025
CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hạnh Vân

❖ Phụ lục 6: Đơn đặt hàng.



CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0401989990
Điện thoại: 0932459954

ĐƠN ĐẶT HÀNG
Số phiếu: DDH098
NV:
Ngày 12 tháng 08 năm 2025

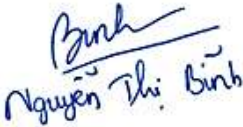
Họ tên khách hàng: Nguyễn Thị Bình
Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ: Khối phố Ngọc Liên, Phường An Thắng, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	BL200	Máy Xay Thịt Snapbee BL200	Máy	9	462.962,96	4.166.667
2	G20 PRO	Chảo Karlin G20 PRO	Cái	9	740.740,74	6.666.667
3	ST2000	Nồi Hấp Đa Năng Snapbee	Máy	3	1.259.259,26	3.777.778

Tiền thuế GTGT: 14.611.112
Phí vận chuyển: 1.168.888
Phí khác:
TỔNG TIỀN: 15.780.000

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Bên Mua

Nguyễn Thị Bình

Bên Bán


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hạnh Vân

❖ **Phụ lục 7:** Biên bản giao nhận.

**CÔNG TY TNHH
SNAPKITCHEN**

Số: 01/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Căn cứ vào Đơn đặt hàng của Bà Nguyễn Thị Bình;

Hôm nay, ngày 12 tháng 08 năm 2025 tại Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên nhận hàng): Bà Nguyễn Thị Bình

- Địa chỉ : Khối phố Ngọc Liên, Phường An Thắng, Thành phố Đà Nẵng

- MST:

- CCCD số: 049138007382

- Điện thoại :

BÊN B (Bên giao hàng): Công ty TNHH SNAP KITCHEN

- Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- MST: 0401989990

- Điện thoại: 0932.459.954

- Đại diện Ông/bà **Nguyễn Hoàng Hạnh Vân** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy Xay Thịt Snapbee BL200	Máy	9	Mới
2	Chảo Karlin G20 PRO	Cái	9	Mới
3	Nồi Hấp Đa Năng Snapbee	Máy	3	Mới

Bên A xác nhận Bên B đã giao cho Bên A đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.



❖ **Phụ lục 8:** Phiếu xuất kho số 00000536.

CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
114 Trung Lương 15, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2025
Số: 536

- Họ tên người nhận hàng: **NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN**
- Địa chỉ:
- Lý do xuất kho: Bán hàng theo HĐ 536
- Xuất tại kho: **HH - Kho hàng hóa**

Stt	Tên,nhãn hiệu,quy cách phẩm chất vật tư,dụng cụ sản phẩm,hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chảo Karlin G26 PRO	G26	Cái	-1,00			
	Cộng tiền hàng						0

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Không đồng.**
 - Số chứng từ gốc kèm theo:
- Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

11 MUA KHÔNG LẤY HÓA

Nguyễn Hoàng Hạnh Vân

❖ **Phụ lục 9:** Trích sao kê tài khoản ngân hàng tháng 3 năm 2025.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JSC BANK

MST/Tax code: 0100230800

TECHCOMBANK

TRUY VẤN GIAO DỊCH TẠI KHOẢN / TRANSACTION ENQUIRY

Từ ngày/From 2025-01-01 Đến ngày/To 2025-03-31

Ngày KH thực hiện/Requesting date	Ngày giao dịch/Transaction date	Số bút toán/Reference number	Ngân hàng đối tác / Remitter's bank	Tài khoản đích/Remitter's account number	Tên tài khoản đối ứng/Remitter's account name	Diễn giải/Description	Nợ/Debit	Có/Credit	Phi/Lãi Fee/Interest	Thuế/Transaction VAT	Số dư/Running balance
2025-03-09 14:49:23	2025-03-10	FT25069008851249	TECHCOMBANK	19039849601010	NGUYEN MANH TUAN	Thanh toán cho Hoa đơn so 00000038		90,000,000			444,390,862
2025-03-08 16:19:58	2025-03-08	FT25067058230292	VIETCOMBANK Hanoi 704	9852541997		MBVCB.8750278862.329551.M AI VAN SON chuyen tien.CT tu 9852541997 MAI V AN SON toi 22229999 SNAP KITCHEN CO.,LTD tại TECHCOMBANK		600,000			354,390,862
2025-03-08 13:03:10	2025-03-08	FT25067750149649	TECHCOMBANK	19039849601010	NGUYEN MANH TUAN	Thanh toán cho Hoa đơn so 00000037		64,000,000			353,790,862
2025-03-07 12:01:55	2025-03-07	FT25066518699259	TECHCOMBANK	19039849601010	NGUYEN MANH TUAN	Thanh toán cho Hoa đơn so 00000036		124,200,000			289,790,862
2025-03-06 14:44:05	2025-03-06	FT25065897149397	TECHCOMBANK	19039849601010	NGUYEN MANH TUAN	Thanh toán cho Hoa đơn so 00000032		113,600,000			165,590,862

❖ **Phụ lục 10:** Trích sao kê tài khoản ngân hàng tháng 5 năm 2025.

Ngày KH thực hiện/Requesting date	Ngày giao dịch/Transaction date	Số bút toán/Reference number	Ngân hàng đối tác / Remitter's bank	Tài khoản đích/Remitter's account number	Tên tài khoản đối ứng/Remitter's account name	Diễn giải/Description	Nợ/Debit	Có/Credit	Phi/Lãi Fee/Interest	Thuế/Transaction VAT	Số dư/Running balance
2025-05-20 09:29:50	2025-05-20	FT25140733 979005	NONG NGHIEP VA PTNT VN (AGRIBANK)	7111	Quan Cam Le - Doi Thue lien huyen Cam Le - Hoa Vang	NTDT+KB:0168-Phong Giao dich so 9 - Kho bac Nha nuoc Khu vuc XII+NgayN T:20250520+MST:0402127 969+DBHC:495H H+TKNS:7111+CQT:10072 86+LThue:01	-47,737				139,167,527
2025-05-17 15:29:05	2025-05-17	FT25137522 750047	IBT VPB EBANKING HANOI VNM	687078888		socdo ck snamee		2,650,000			139,215,264
2025-05-16 16:23:26	2025-05-16	FT25136750 801754	NONG NGHIEP VA PTNT VN (AGRIBANK)	7111	Quan Cam Le - Doi Thue lien huyen Cam Le - Hoa Vang	NTDT+KB:0168-Phong Giao dich so 9 - Kho bac Nha nuoc Khu vuc XII+NgayN T:20250516+MST:0401989 990+DBHC:495H H+TKNS:7111+CQT:10072 86+LThue:01	-122				136,565,264
2025-05-13 15:37:19	2025-05-13	FT25133606 611762	A CHAU (ACB)	89988998	CTY CP GD KHU TRUNG VIETNAMCONTROL	thanh toan phi cho so DK-GCN so VIC-25.HQ-6.02.0428	-6,300,000				136,565,386
2025-05-09 19:29:43	2025-05-09	FT25129003 331721	NGOAI THUONG VN (VCB)	0021000403343	CONG TY TNHH ESHEEP KITCHEN	Snapbee thanh toan hoa don dot 2	-35,100,000				142,865,386

❖ **Phụ lục 11:** Trích sao kê tài khoản ngân hàng tháng 12 năm 2025.

Thông tin khách hàng /	
Số tài khoản/Account	22229999
Tên tài khoản/Account name	VND-TGTT-SNAP KITCHEN CO.,LTD
Loại tiền/Currency	VND
Loại tài khoản/Account	Current Account

Thông tin số dư / BalanceSummary	
Số dư hiện tại/Actual balance	1,078,325,260
Số dư đầu ngày/Opening balance	651,015,928
Số dư cuối ngày/Closing balance	717,012,605
Tổng ghi nợ/ Total debits	21,064,320
Tổng ghi có/ Total credits	87,060,997
Tổng phí/ Total fees	0
Tổng VAT/ Total VAT	0
Tổng lệnh ghi nợ/ Total debit transaction	1
Tổng lệnh ghi có/ Total	6

Ngày KH thực hiện/Requesting date	Ngày giao dịch/Transaction date	Số bút toán/Reference number	Ngân hàng đối tác / Remitter's bank	Tài khoản đích/Remitter's account number	Tên tài khoản đối ứng/Remitter's account name	Diễn giải/Description	Nợ/Debit	Có/Credit	Phí/Lãi Fee/Interest	Thuế/Transaction VAT	Số dư/Running balance
2025-01-01 03:37:02	2025-12-31	22229999-20251231				Trả lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2025		20,997			717,012,605
2025-12-31 15:50:35	2025-12-31	FT25365030180156	TECHCOMBANK	19036396244015	NGUYEN KHANH LY	NGUYEN KHANH LY chuyển tiền		5,390,000			716,991,608
2025-12-30 15:04:42	2025-12-30	FT25364052723540	IBT TIENPHONGBANK HANOI VNM	10315366569		Ba Lanh dk Snap		2,900,000			711,601,608
2025-12-30 14:44:57	2025-12-30	FT25364815668650	QUOC TE (VIB)	168179	CONG TY CO PHAN XHOME DA NANG	Thanh toán tiền hàng theo HD0072 cho CTY XHOME DA NANG	-21,064,320				708,701,608
2025-12-30 11:36:32	2025-12-30	FT25364100556070	Maritime Bank IBanking 704	06001014001692		CTY SAO MOI TT HOA DON SO 187 CTY SNAP KITCHEN		33,160,000			729,765,928
2025-12-30 10:10:28	2025-12-30	FT25364710755227	IBT-MB HANOI VNM	0938270589		tt tiền hàng cho HD0189		41,000,000			696,605,928

❖ **Phụ lục 12:** Báo cáo tình hình tài chính năm 2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN

[02] Mã số thuế: 0401989990

[03] Địa chỉ: 114 Trung Lương 15, [04] Quận/Huyện: [05] Tỉnh/Thành phố: Thành phố Đà Nẵng

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.141.452.254	530.127.391
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		2.651.139.482	209.322.415
1. Phải thu của khách hàng	131		181.370.200	13.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		2.469.730.682	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		38.600	196.322.415
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		5.498.085.120	4.888.679.181
1. Hàng tồn kho	141		5.498.085.120	4.888.679.181
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		1.307.152.096	1.523.163.454
- Nguyên giá	151		2.008.047.220	1.972.601.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(700.895.124)	(449.438.311)
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		183.651.458	163.031.032
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		0	34.075.263
2. Tài sản khác	182		183.651.458	128.955.769
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		10.781.480.410	7.314.323.473
NGUỒN VỐN				

I. Nợ phải trả	300		1.003.614.349	1.807.549.969
1. Phải trả người bán	311		533.232.984	32.587.289
2. Người mua trả tiền trước	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		122.756.321	0
4. Phải trả người lao động	314		133.521.300	0
5. Phải trả khác	315		214.103.744	1.774.962.680
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		0	0
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		9.777.866.061	5.506.773.504
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		9.500.000.000	5.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		277.866.061	6.773.504
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		10.781.480.410	7.314.323.473

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 03 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN**
Ngày ký: 16/03/2026 09:38:41.

❖ **Phụ lục 13: Bảng cân đối tài khoản năm 2025.**

**PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2025

Mẫu số: **F01**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
[03] Mã số thuế: 0401989990

Đơn vị nền: đồng Việt Nam

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	459.894.219	0	3.859.907.749	3.895.362.319	424.439.649	0
1111	Tiền Việt Nam	459.894.219	0	3.859.907.749	3.895.362.319	424.439.649	0
1112	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
112	Tiền gửi Ngân hàng	70.233.172	0	7.237.617.575	6.590.838.142	717.012.605	0
1121	Tiền Việt Nam	70.233.172	0	7.237.617.575	6.590.838.142	717.012.605	0
1122	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
121	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	0	0	0	0
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
131	Phải thu của khách hàng	13.000.000	0	3.111.340.104	2.942.969.904	181.370.200	0
133	Thuế GTGT được khấu trừ	34.075.263	0	307.513.682	341.588.945	0	0
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	34.075.263	0	307.513.682	341.588.945	0	0
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	0	0	0	0	0	0
136	Phải thu nội bộ	0	0	0	0	0	0
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	0	0	0	0	0	0
1368	Phải thu nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
138	Phải thu khác	195.824.152	0	0	195.824.152	0	0
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0	0	0	0
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	0	0	0	0	0	0
1388	Phải thu khác	195.824.152	0	0	195.824.152	0	0
141	Tạm ứng	0	0	0	0	0	0
151	Hàng mua đang đi đường	0	0	0	0	0	0
152	Nguyên liệu, vật liệu	0	0	0	0	0	0
153	Công cụ, dụng cụ	0	0	0	0	0	0
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	0	0	0	0	0	0
155	Thành phẩm	0	0	0	0	0	0
156	Hàng hoá	4.888.679.181	0	3.977.644.417	3.368.238.478	5.498.085.120	0
157	Hàng gửi đi bán	0	0	0	0	0	0
211	Tài sản cố định	1.972.601.765	0	35.445.455	0	2.008.047.220	0
2111	TSCĐ hữu hình	1.972.601.765	0	35.445.455	0	2.008.047.220	0
2112	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2113	TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
214	Hao mòn TSCĐ	0	449.438.311	0	251.456.813	0	700.895.124
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	449.438.311	0	251.456.813	0	700.895.124

2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
217	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
228	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	0	0	0	0	0
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0	0	0	0	0
2288	Đầu tư khác	0	0	0	0	0	0
229	Dự phòng tổn thất tài sản	0	0	0	0	0	0
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	0	0	0	0	0	0
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	0	0	0	0
241	Xây dựng cơ bản dở dang	0	0	44.292.592	44.292.592	0	0
2411	Mua sắm TSCĐ	0	0	0	0	0	0
2412	Xây dựng cơ bản	0	0	44.292.592	44.292.592	0	0
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0	0	0	0	0
242	Chi phí trả trước	114.731.094	0	144.883.859	75.963.495	183.651.458	0
LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ							
331	Phải trả cho người bán	0	32.587.289	5.895.898.382	3.926.813.395	2.469.730.682	533.232.984
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.224.675	0	662.631.432	799.612.428	0	122.756.321
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.525.402	0	639.631.432	733.157.283	0	87.000.449
33311	Thuế GTGT đầu ra	6.525.402	0	375.433.725	468.959.576	0	87.000.449
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	264.197.707	264.197.707	0	0
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.699.273	0	20.000.000	63.455.145	0	35.755.872
3335	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0	0	0
3336	Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	0	0	0
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	0	0	0	0
33381	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0
33382	Các loại thuế khác	0	0	0	0	0	0
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
334	Phải trả người lao động	0	0	780.509.700	914.031.000	0	133.521.300
335	Chi phí phải trả	0	0	0	0	0	0
336	Phải trả nội bộ	0	0	0	0	0	0
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0	0	0	0	0	0
3368	Phải trả nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
338	Phải trả, phải nộp khác	498.263	1.774.962.680	1.941.074.837	380.675.564	38.600	214.103.744
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0	0	0	0	0
3382	Kinh phí công đoàn	0	0	0	0	0	0
3383	Bảo hiểm xã hội	498.263	0	194.087.487	194.547.150	38.600	0
3384	Bảo hiểm y tế	0	0	34.728.750	34.728.750	0	0
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	0	0	15.258.600	15.258.600	0	0
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	0	0	0	0	0	0
3387	Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0	0
3388	Phải trả, phải nộp khác	0	1.774.962.680	1.697.000.000	136.141.064	0	214.103.744

341	Vay và nợ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
3411	Các khoản đi vay	0	0	0	0	0	0
3412	Nợ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
352	Dự phòng phải trả	0	0	0	0	0	0
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	0	0	0	0	0	0
3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0
3524	Dự phòng phải trả khác	0	0	0	0	0	0
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0	0	0
3531	Quỹ khen thưởng	0	0	0	0	0	0
3532	Quỹ phúc lợi	0	0	0	0	0	0
3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	0	0	0	0	0	0
356	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU						
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	5.500.000.000	0	4.000.000.000	0	9.500.000.000
4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	5.500.000.000	0	4.000.000.000	0	9.500.000.000
4112	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0	0
4118	Vốn khác	0	0	0	0	0	0
413	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	0	0	0
418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0	0
419	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0	0
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103.906.208	110.679.712	110.679.712	381.772.269	0	277.866.061
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	103.906.208	0	0	110.679.712	0	6.773.504
4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	0	110.679.712	110.679.712	271.092.557	0	271.092.557
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU						
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	5.604.233.526	5.604.233.526	0	0
5111	Doanh thu bán hàng hoá	0	0	5.604.233.526	5.604.233.526	0	0
5112	Doanh thu bán thành phẩm	0	0	0	0	0	0
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0	0	0	0	0
5118	Doanh thu khác	0	0	0	0	0	0
515	Doanh thu hoạt động tài chính	0	0	190.303	190.303	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH						
611	Mua hàng	0	0	0	0	0	0
631	Giá thành sản xuất	0	0	0	0	0	0
632	Giá vốn hàng bán	0	0	3.368.238.478	3.368.238.478	0	0
635	Chi phí tài chính	0	0	0	0	0	0
642	Chi phí quản lý kinh doanh	0	0	1.818.545.700	1.818.545.700	0	0
6421	Chi phí bán hàng	0	0	1.133.624.385	1.133.624.385	0	0
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	684.921.315	684.921.315	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC						
711	Thu nhập khác	0	0	6.352.053	6.352.053	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ						

KHÁC							
811	Chi phí khác	0	0	697.858	697.858	0	0
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	63.455.145	63.455.145	0	0
TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH							
911	Xác định kết quả kinh doanh	0	0	5.247.620.662	5.247.620.662	0	0
Tổng cộng		7.867.667.992	7.867.667.992	44.218.773.221	44.218.773.221	11.482.375.534	11.482.375.534

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 03 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH SNAP KITCHEN
Ngày ký: 16/03/2026 09:38:41.